

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA**

**TS. HOÀNG THỊ OANH
THS. NGUYỄN THỊ XUÂN**

**GIÁO TRÌNH
PHƯƠNG PHÁP CHO TRẺ LÀM QUEN VỚI MÔI
TRƯỜNG XUNG QUANH**

HUẾ - 2007

Bài mở đầu

- **Đối tượng, nhiệm vụ, cơ sở lý luận và vị trí môn học.**
- **Mối quan hệ giữa môn học với các môn học khác.**
- **Hướng dẫn phương pháp nghiên cứu và học tập môn học.**

Yêu cầu

Sau khi học xong bài này sinh viên cần:

- Hiểu và biết một số vấn đề cơ bản của môn học: đối tượng, nhiệm vụ, cơ sở lý luận, vị trí và mối quan hệ của môn học với các môn học khác để từ đó có định hướng đúng đắn và xác định ý thức học tập môn học này.
- Hiểu và biết ứng dụng phương pháp ghi chép, đọc tài liệu và nghiên cứu môn học.

I. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ VỊ TRÍ CỦA MÔN HỌC

1. Đối tượng

Phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh là một môn khoa học ứng dụng. Nó nghiên cứu quá trình hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh ở trường mầm non, bao gồm: mục đích, nội dung, phương pháp, phương tiện và cách tổ chức các hình thức cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh ở các độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo theo xu hướng đổi mới.

2. Nhiệm vụ

Mục tiêu chính của môn học là giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết cơ bản và rèn luyện cho họ kỹ năng thực hành tổ chức, hướng dẫn trẻ mầm non làm quen với môi trường xung quanh. Mục tiêu này được cụ thể hoá thành các nhiệm vụ như sau:

- Hướng dẫn sinh viên lĩnh hội hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về phương pháp làm quen với môi trường xung quanh.
- Hình thành và rèn luyện kỹ năng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động làm quen với môi trường xung quanh như: học có chủ đích (chủ đề), dạo chơi, sinh hoạt hằng ngày, tham quan...
- Giới thiệu một số phương pháp nghiên cứu khoa học đối với lĩnh vực làm quen với môi trường xung quanh.
- Giáo dục sinh viên hứng thú học tập môn học, thích tìm hiểu thiên nhiên, cuộc sống xung quanh và có thái độ ứng xử đúng đắn đối với môi trường sống.

3. Cơ sở lý luận

3.1 Cơ sở tâm lý, giáo dục học của việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh

Nghiên cứu của các nhà tâm lý học và giáo dục học đã chỉ ra rằng tám năm đầu cuộc sống của trẻ em là giai đoạn phát triển mạnh mẽ và nhanh chóng: sự tăng trưởng và hoàn thiện về trọng

lượng của não và các dây thần kinh, sự phát triển và hoàn thiện không ngừng khả năng vận động, tâm lý và nhân cách. Trong ba năm đầu của cuộc sống diễn ra sự miêlin hoá các sợi thần kinh, phân hoá về cấu tạo và chức năng của vỏ não, sản sinh hàng ngàn tỷ sợi thần kinh và các xináp (diện tiếp nối giữa 2 neuron). Đến 6 tuổi bộ não của trẻ đã đạt được khoảng 90% khối lượng não của người trưởng thành. Cũng trong những năm đầu tiên của cuộc sống, trẻ em đã lĩnh hội các vận động cơ bản của cơ thể. Các quá trình nhận cảm được hình thành và hoàn thiện dần trên cơ sở phát triển của các giác quan và sự phối hợp vận động giữa các bộ phận trên cơ thể. Ngôn ngữ và trí tuệ của trẻ trải qua các giai đoạn phát triển chính từ trực quan hành động đến tư duy lôgic. Kinh nghiệm sống của trẻ được tích lũy nhanh chóng, phạm vi các biểu tượng được mở rộng, xúc cảm của trẻ trở nên dễ điều khiển. Xuất hiện sự tự nhận thức, trẻ hiểu được vị trí của mình trong môi trường giao tiếp với người lạ và người quen. Trẻ bắt đầu có ý thức định hướng trong thế giới đồ vật và tự nhiên, phân biệt được giá trị của những đồ vật đó.

Sự phát triển về mặt thể chất và trí tuệ trong những năm đầu tiên của cuộc sống cho phép trẻ tiếp thu, lĩnh hội không chỉ các biểu tượng cụ thể mà cả những biểu tượng khái quát, các mối liên hệ và sự phụ thuộc lẫn nhau của các sự vật, hiện tượng xung quanh. Đây cũng là "thời kỳ nhạy cảm" để cho trẻ tiếp xúc, khám phá thiên nhiên và cuộc sống xã hội. Sự phát triển của trẻ chỉ có thể diễn ra liên tục và hiệu quả trong sự tương tác giữa trẻ với môi trường xung quanh dưới sự hướng dẫn của người lớn. Thông qua làm quen với môi trường xung quanh trẻ không chỉ tích lũy được hệ thống kiến thức chính xác về thế giới khách quan mà còn phát triển các quá trình tâm lý nhận thức, các phẩm chất trí tuệ và ngôn ngữ, làm cơ sở cho việc tiếp thu các khái niệm khoa học ở trường phổ thông sau này. Việc cho trẻ tiếp xúc với thiên nhiên, cuộc sống, người lớn và trẻ em khác giúp trẻ phát triển những xúc cảm, tình cảm, thẩm mỹ, đạo đức tích cực, thái độ ứng xử đúng đắn với thiên nhiên, xã hội. Khám phá, hoạt động trong môi trường xung quanh giúp trẻ phát triển về thể chất và các kỹ năng lao động. Có thể nói làm quen với môi trường xung quanh là một phương pháp quan trọng, chủ yếu để trẻ phát triển toàn diện.

Để chuẩn bị cơ sở và tâm thế cho trẻ vào học ở trường phổ thông, việc tổ chức cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh chỉ có thể hiệu quả khi căn cứ trên đặc điểm học của trẻ mầm non. Trẻ mầm non học qua bắt chước, qua trải nghiệm, thí nghiệm; qua sự tương tác, chia sẻ kinh nghiệm; qua tư duy suy luận và vui chơi. Tạo dựng môi trường chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp, kích thích trẻ hoạt động tích cực trong môi trường xung quanh sẽ thúc đẩy sự phát triển của trẻ.

3.2. Cơ sở khoa học của việc cho trẻ làm quen với thiên nhiên

Thiên nhiên là tất cả vũ trụ với giới hữu sinh và vô sinh trong đó. Việc cho trẻ làm quen với thiên nhiên có thể dựa trên các cơ sở khoa học khác nhau, trong đó sinh vật học và sinh thái học là hai cơ sở khoa học cơ bản.

Sinh vật học là khoa học nghiên cứu các cơ thể sống và các hiện tượng của giới hữu sinh. Theo quan điểm sinh vật học, tất cả các cơ thể sống (giới hữu sinh) khác với giới vô sinh ở một loạt các dấu hiệu và tính chất chung. Đó là đặc điểm cấu tạo, sự trao đổi chất, sự phát triển, tăng trưởng, sinh sản, phản ứng tự vệ và cơ chế tự điều chỉnh. Bất kỳ một cơ thể sống nào dù là động vật hay thực vật đều có các bộ phận, các cơ quan với các chức năng duy trì sự sống, sự phát triển và sinh

sôi, nảy nở. Động vật và thực vật đều có các dấu hiệu và tính chất đặc trưng cho cơ thể sống nhưng giữa chúng cũng có những điểm khác nhau: Thức ăn của động vật là các chất hữu cơ còn thực vật tự tạo ra chất hữu cơ từ nước và khí cacbonic dưới tác dụng của ánh sáng mặt trời. Phần lớn động vật đều di chuyển và vận động rất tích cực, chúng có các cơ quan vận động; còn thực vật không di chuyển hoặc di chuyển rất ít.

Khoa học về điều kiện tồn tại của các cơ thể sống trong mối quan hệ qua lại giữa chúng với nhau và với các điều kiện môi trường gọi là sinh thái học. Trong những năm gần đây diễn ra sự thay đổi quan điểm trong tự nhiên học, ngoài cơ sở sinh vật học, bổ sung thêm quan điểm sinh thái học về tự nhiên, thế giới đồ vật và chính con người.

Khái niệm trung tâm trong sinh thái học có thể sử dụng trong việc xây dựng phương pháp luận cho trẻ làm quen với môi trường thiên nhiên. Đó là mối quan hệ qua lại giữa cơ thể sống với các điều kiện môi trường. Bất kỳ một cơ thể sống nào cũng có các nhu cầu mà chỉ có các yếu tố của môi trường bên ngoài mới có thể thoả mãn được. Đó trước hết là nhu cầu về thức ăn, nước uống, không khí... thông qua quá trình trao đổi chất tạo ra năng lượng giúp cơ thể tồn tại và phát triển. Mỗi cá thể trong quá trình sống của mình đều phải trải qua các giai đoạn phát triển nhất định và ở mỗi giai đoạn cơ thể có các nhu cầu khác nhau cần được thoả mãn.

Khái niệm thứ hai của sinh thái học là sự thích nghi của cơ thể sống với các điều kiện môi trường.

Sự thích nghi của cơ thể sống với các điều kiện môi trường biểu hiện ở tất cả các loài động vật và thực vật, trong tất cả các lĩnh vực của đời sống như vận động, thức ăn, phương thức bảo vệ, sinh sản, trong đặc điểm cấu tạo ngoài, trong sự thay đổi theo mùa v.v...

Khái niệm tiếp theo của sinh thái học là quần thể sinh vật mà chúng ta quen gọi bằng từ ngữ thông dụng như rừng, đồng cỏ, thảo nguyên, đầm, hồ v.v... Trong mỗi quần thể, thành phần chính là các loại động, thực vật có cùng nhu cầu đối với các điều kiện môi trường. Những sinh vật sống trong một quần thể có một số các đặc điểm bên ngoài giống nhau mặc dù chúng không cùng họ, cùng loài. Ví dụ: những con vật sống dưới nước thường có vây, đuôi; những con vật sống trên không thường có cánh. Mối quan hệ và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các sinh vật chính là sự phụ thuộc thức ăn - trong sinh thái học gọi là chuỗi thức ăn.

Một trong những khái niệm sinh thái cần thiết cho việc xây dựng phương pháp luận làm quen với thiên nhiên là mối quan hệ qua lại giữa con người với thiên nhiên. Con người vừa là nhân tố tích cực trong việc giữ gìn, cải tạo, bảo vệ môi trường thiên nhiên cũng vừa là nguyên nhân cơ bản của sự phá huỷ môi trường, sự tuyệt chủng của một số loài động, thực vật, phá vỡ cân bằng sinh thái trong thiên nhiên.

Như vậy, quan điểm sinh vật học và các khái niệm của sinh thái học nêu trên được trình bày phù hợp với khả năng nhận thức của trẻ là cơ sở để xây dựng nội dung và phương pháp cho trẻ làm quen với thiên nhiên.

3.3. Cơ sở khoa học của việc cho trẻ làm quen với môi trường xã hội

Môi trường xã hội bao gồm con người và xã hội loài người. Môi trường xã hội do chính con người tạo ra. Trong môi trường xã hội, con người được xã hội hóa. Họ hoạt động và cải tạo xã hội cho phù hợp với nhu cầu của chính mình.

Khái niệm con người và quá trình xã hội hoá có thể coi là cơ sở khoa học của việc cho trẻ làm quen với môi trường xã hội.

Con người là đối tượng nghiên cứu của nhiều khoa học (sinh vật học, xã hội học, triết học...).

Mác và Ăngghen dựa trên thành tựu mới về sinh học của thế kỷ XIX và đứng trên quan điểm triết học duy vật biện chứng đã nhìn nhận con người trong tiến trình phát triển, tiến hoá của loài và phát triển của lịch sử xã hội. Theo hai ông con người vừa là "con", vừa là "người".

- "Con" là sản phẩm của tự nhiên, là kết quả của sự tiến hoá sinh vật. Con người là con (sinh vật) nên có những đặc điểm, cấu trúc và cơ chế sinh học của loài.

- "Người" là sản phẩm của lịch sử xã hội. Trong tác phẩm nổi tiếng "Lutvic Phơ Bắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức" Mác và Ăngghen đã đưa ra luận điểm nổi tiếng: "Bản chất con người không phải là một cái gì trừu tượng, cố hữu của mỗi cá nhân riêng lẻ. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội"⁽²⁾. Các mối quan hệ ở đây là quan hệ của người với người, quan hệ kinh tế - xã hội do hoàn cảnh lịch sử cụ thể xung quanh con người tạo nên. Con người tiếp nhận, phản ứng một cách có ý thức với những tác động của môi trường mà tạo nên cái riêng trong mỗi con người.

Trẻ em cũng giống như con người, là sản phẩm của tự nhiên và sự phát triển xã hội. Nhưng khác với người lớn, trẻ là sản phẩm chưa hoàn thiện. Theo PGS.TS. Nguyễn Ánh Tuyết "Trẻ em là một thực thể đang phát triển về nhiều mặt (sinh vật, văn hoá và tâm lý cá nhân) để trở thành một thành viên của xã hội, một nhân cách"⁽³⁾. Trẻ em chỉ thành "người" trong quá trình xã hội hoá. Có ít nhất ba quan điểm về bản chất của quá trình này.

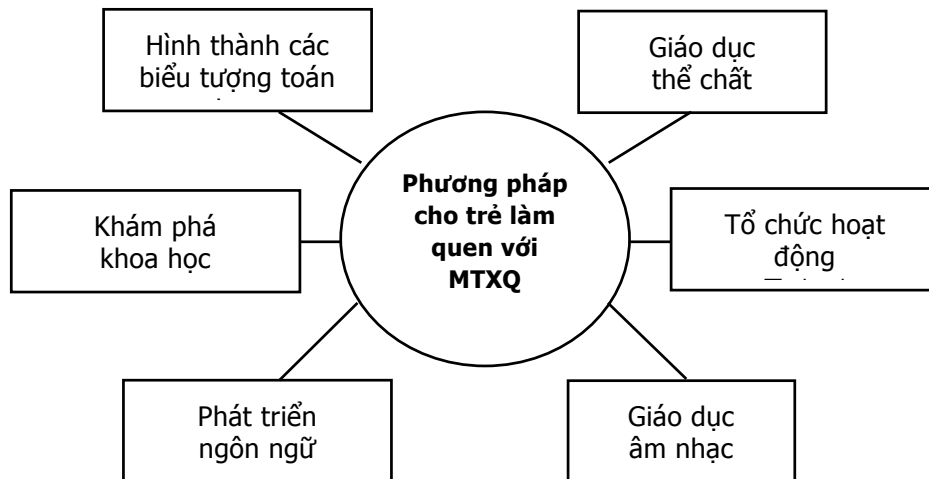
Quan điểm thứ nhất: Xã hội hoá là quá trình thích nghi của cá thể với thể giới xung quanh. Theo quan điểm này, khi sinh ra con người chỉ có thể sống được trong xã hội loài người nếu biết thích nghi. Quá trình thích nghi rất phức tạp và diễn ra khác nhau ở mỗi người. Kết quả cuối cùng là mỗi người phải thích ứng với môi trường xã hội nơi họ trưởng thành. Theo quan điểm này, con người có phần thụ động, là kết quả của hoàn cảnh.

Quan điểm thứ hai: Xã hội hoá là tổ hợp các quá trình xã hội nhờ đó cá nhân lĩnh hội và tái tạo hệ thống kiến thức, chuẩn mực, giá trị nhất định, cho phép cá nhân trở thành thành viên có đủ

⁽²⁾ Đào Thanh Âm (2002), *Giáo dục học mầm non, Tập 1*, NXB Đại học Sư phạm.

⁽³⁾ Nguyễn Ánh Tuyết (2005), *Giáo dục học mầm non - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Đại học Sư phạm.

quen với toán, khám phá khoa học, giáo dục thể chất, âm nhạc, tạo hình, và ngôn ngữ giải quyết các mục tiêu giáo dục như nhận thức, thể chất, thẩm mỹ, ngôn ngữ và tình cảm xã hội.



II. MỐI QUAN HỆ GIỮA MÔN HỌC PHƯƠNG PHÁP CHO TRẺ LÀM QUEN VỚI MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH VỚI CÁC MÔN HỌC KHÁC

Phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh có liên quan đến rất nhiều lĩnh vực khoa học khác.

- Thứ nhất: Nhóm các môn học cơ sở của môn học này, bao gồm:

+ Sinh vật học: cung cấp kiến thức về đặc điểm sinh học của động, thực vật như những cơ thể sống. Đặc biệt, những kiến thức về cấu tạo bên ngoài, các tập tính vận động, tiếng kêu, thức ăn, sinh sản và lợi ích, tác hại của động, thực vật là vô cùng cần thiết trong việc cho trẻ làm quen với các con vật và cây cối.

+ Sinh thái học: cung cấp kiến thức về mối quan hệ của sinh vật với các điều kiện môi trường, sự thích nghi của sinh vật với môi trường sống, mối quan hệ và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các sinh vật sống trong cùng môi trường. Những nội dung này được trình bày dưới hình thức trực quan, dễ hiểu, là một trong những nội dung giúp trẻ làm quen với thiên nhiên.

+ Văn hóa học: cung cấp những kiến thức cơ bản về truyền thống văn hoá, các phong tục, tập quán, mối quan hệ ứng xử của con người Việt Nam... Đây là cơ sở để xây dựng những nội dung cho trẻ làm quen với cuộc sống xã hội và giáo dục thái độ ứng xử đúng đắn.

+ Tâm lý học mầm non: cung cấp kiến thức về đặc điểm tâm, sinh lý của trẻ ở từng độ tuổi, đặc biệt kiến thức về đặc điểm nhận thức của trẻ là cơ sở lý luận để xác định yêu cầu, nội dung, phương pháp và hình thức cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh.

+ Giáo dục học mầm non với mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục trẻ em là cơ sở để xây dựng chương trình và tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh.

- Thứ hai: Nhóm các môn chuyên ngành, bao gồm các môn học: Tổ chức hoạt động tạo hình; phát triển ngôn ngữ; hình thành các biểu tượng toán học; giáo dục âm nhạc; tổ chức hoạt động vui chơi... Các môn học này và Phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh có mối quan hệ tương hỗ. Làm quen với môi trường xung quanh có thể coi là cơ sở để trẻ tiếp thu tốt các nội dung giáo dục khác, đồng thời khi trẻ tham gia vào các hoạt động giáo dục nêu trên thì các kiến thức về môi trường xung quanh được củng cố, khắc sâu và mở rộng hơn. Đối với sinh viên và giáo viên mầm non, việc nắm vững kiến thức về các môn chuyên ngành nói chung và làm quen với môi trường xung quanh nói riêng sẽ giúp họ nắm vững đặc trưng của từng môn học và phối hợp các nội dung giáo dục một cách linh hoạt ở tất cả các độ tuổi mầm non.

III. HƯỚNG DẪN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ HỌC TẬP MÔN HỌC PHƯƠNG PHÁP CHO TRẺ LÀM QUEN VỚI MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH

Phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh là một môn học có phạm vi kiến thức rộng, thuộc nhiều lĩnh vực khoa học đa dạng như sinh vật học, sinh thái học, văn hoá học, tâm lý học mầm non, giáo dục học mầm non, đồng thời là môn học rèn luyện tay nghề cho sinh viên. Để học tốt môn học này đòi hỏi sinh viên phải chịu khó trau dồi kiến thức qua việc nghe giảng, đặc biệt là nghiên cứu giáo trình chính và các tài liệu tham khảo. Việc áp dụng kiến thức vào thực hành cần phải rất linh hoạt, vì vậy sinh viên cần rèn cho mình khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, óc phê phán để không bị lệ thuộc một cách máy móc vào một khuôn mẫu nào đó; biết lựa chọn và tìm ra những nội dung, phương pháp phù hợp cho từng đối tượng trẻ trong những điều kiện, hoàn cảnh nhất định.

Dưới đây là một số phương pháp học tập:

1. Nghe giảng và ghi chép

Khi nghe giảng cần vừa tập trung chú ý để nghe hiểu, vừa phải ghi chép. Việc ghi chép phải mang sắc thái cá nhân, ghi theo cách riêng của mình. Những luận điểm chính, cơ bản của bài giảng cần được ghi chép một cách khoa học, hệ thống, đầy đủ. Đồng thời phân trình bày, phân tích, lấy ví dụ của giáo viên cũng cần được ghi tốc ký, ngắn gọn theo ý hiểu của người học. Nên để lề vở cả bên trái và bên phải. Lề trái làm nổi bật các chương mục, gạch dưới những phần chủ yếu. Những luận điểm nào không nhất trí có thể đánh dấu bằng các ký hiệu ra ngoài lề, những ví dụ nào bổ sung thêm cũng có thể ghi vắn tắt ra lề phải. Sau mỗi bài học, cần xem lại bài giảng không chỉ để khắc sâu tri thức mà còn để mở rộng, bổ sung, đưa ra những cách lý giải, cách nhìn nhận độc lập của mình về vấn đề của bài giảng bằng cách đọc thêm sách và tài liệu chuyên ngành khác.

2. Đọc sách và ghi chép

Trước khi đọc giáo trình hay tài liệu tham khảo cần xác định rõ mục đích của việc đọc, đó là tìm hiểu toàn bộ nội dung hay chỉ là một vấn đề, một khía cạnh nào đó hoặc sưu tầm, thu thập tài liệu bổ sung cho vấn đề đang nghiên cứu hoặc giải quyết một vấn đề thực tiễn nào đó.

Đọc lướt toàn bộ cuốn sách nhằm tìm hiểu một cách khái quát nội dung chung của cuốn sách. Những mục cần chú ý khi đọc lướt là tên sách, tên tác giả, nơi và năm xuất bản, sau đó là phần mục lục và lời tựa hay còn gọi là lời nói đầu. Sau khi đã đọc kỹ, ghi chép lại những thông tin cần ghi nhớ. Những vấn đề nào trùng nội dung với bài giảng nhưng cách phân tích hoặc ví dụ minh họa khác với bài giảng có thể ghi tóm tắt ngay vào bài giảng (bên lề phải). Những thông tin nào mới bổ sung cho bài giảng có thể ghi chép vào bên dưới. Những vấn đề nào chưa rõ có thể đánh dấu lại để hỏi thầy, hỏi bạn.

Để học tốt môn Phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh cần tham khảo thêm nhiều tài liệu thuộc các lĩnh vực khoa học cơ bản như sinh vật học, sinh thái học, cơ sở văn hoá Việt Nam; văn học trẻ em và văn học dân gian Việt Nam... Khi tham khảo các tài liệu này cần ghi tóm tắt vào một vở riêng. Ngoài vở bài giảng theo chương trình nên có thêm vở ghi tóm tắt đặc điểm đặc trưng của các đại diện trong các nhóm động, thực vật, tính chất của nguyên, vật liệu như nam châm, thuỷ tinh ... hoặc ý nghĩa của các sự kiện xã hội. Đây là những kiến thức cơ sở cần thiết của việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh.

3. Học cách tư duy

Trong quá trình học cần phải học cách tư duy, cách phân tích vấn đề (Vấn đề này có thể chia nhỏ ra được không?); học cách sáng tạo (Có thể giải quyết vấn đề này theo cách khác được không?); học cách so sánh, đối chiếu (Vấn đề này có gì đặc biệt? Phương pháp này áp dụng với các đối tượng khác nhau thì có khác nhau không?); học cách nhận xét, phê phán để xác định độ tin cậy của các nguồn thông tin; kiểm tra lý thuyết, nhận xét việc tổ chức các hoạt động của chính mình và của bạn bè, tìm cách khắc phục những hạn chế mà mình hay bạn mắc phải.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Đọc kỹ bài mở đầu trong tài liệu; so sánh với bài giảng, bổ sung thêm thông tin cần thiết cho bài giảng.

- Tìm các giáo trình, tài liệu của các môn học: sinh vật học, sinh thái học; văn hoá học; tâm lý học mầm non; giáo dục học mầm non. Đọc lướt các tài liệu nói trên để xác định các vấn đề nào có thể tham khảo và sử dụng được.

- Tìm đọc các tài liệu: "Học và dạy cách học" - Nguyễn Cảnh Toàn (Chủ biên). Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội - 2004. Chú ý chiến lược học và tự học; các phương pháp thu nhận và xử lý thông tin.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày đối tượng, nhiệm vụ, vị trí của môn học Phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh.

2. Phân tích mối quan hệ của môn học Phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh và các khoa học khác có liên quan.
3. Phân tích đặc trưng của phương pháp học tập môn học Phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh. Trình bày các phương pháp: Nghe giảng và ghi chép; đọc sách và ghi chép; học cách tư duy.
4. Phân tích các quan điểm, khái niệm sinh vật học, sinh thái học, triết học về cơ sở khoa học của việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh. Nội dung cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh có thể xây dựng dựa trên các cơ sở khoa học đó như thế nào?

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

- **Lược sử môn học**
- **Đặc điểm nhận thức của trẻ về thế giới xung quanh**
- **Mục đích, nhiệm vụ và các nguyên tắc cho**

Yêu cầu

Sau khi học xong chương 1 sinh viên cần:

- Biết sơ lược về lịch sử môn học này ở trên thế giới và Việt Nam.
- Nắm vững đặc điểm nhận thức của trẻ mẫu giáo về thế giới xung quanh để làm cơ sở cho việc xác định yêu cầu, nội dung, phương pháp và hình thức cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh.
- Hiểu mục đích, nhiệm vụ và các nguyên tắc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh để có định hướng đúng đắn khi tổ chức quá trình này ở trường mầm non, và quán triệt các nguyên tắc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh.

I. LƯỢC SỬ MÔN HỌC

1. Lịch sử xuất hiện và phát triển vấn đề cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh

Cho trẻ làm quen với thiên nhiên, với thế giới con người và hoạt động của họ, nói cách khác là cho trẻ làm quen với tất cả những gì của thế giới khách quan là nhiệm vụ mà nhân loại phải giải quyết từ khi nhận thức được sự cần thiết phải truyền lại cho thế hệ sau kinh nghiệm của thế hệ trước.

Ngay từ thế kỷ thứ XVI, J.A.Comenxki (1592-1670) trong cuốn sách "Thế giới tranh ảnh" đã thể hiện quan điểm của mình về vấn đề này. Cuốn sách của ông là bách khoa toàn thư đặc biệt dành cho trẻ nhỏ, ở đó trẻ được giới thiệu về thế giới với tất cả sự phát triển khoa học thời bấy giờ. Từ những bức tranh và những bài luận ngắn kèm theo, trẻ đã có thể biết về những công việc đầu tiên của con người trên Trái Đất như: làm vườn, làm ruộng, dệt vải; về những cuốn sách, nghệ thuật lời nói, về đạo đức, tính hài hước, tính nhân văn; về vật lý, hoá học và thiên văn.

J.J.Rutxo (1712-1778) – nhà giáo dục học người Pháp đã gọi thời kỳ từ 2 đến 12 tuổi là thời kỳ của các giác quan. Ông cho rằng tri thức của trẻ được hình thành bằng cách tiếp xúc với đồ vật và qua hoạt động thực tiễn. Chính trong quá trình tiếp cận với thế giới xung quanh mà tri thức của trẻ được hình thành.

I.G.Pextalozi (1746-1827); P.H.Phrebel (1782-1852); M.Montexxori (1870-1952) cho rằng việc nhận biết thế giới khách quan (về đặc điểm, tính chất) là rất quan trọng đối với trẻ trước tuổi đi học. Chính những quan sát, tiếp xúc với thiên nhiên và xã hội có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với sự phát triển năng lực, trí tuệ của con người.

2. Lịch sử xuất hiện môn học Phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh ở trường mầm non

Ở Nga từ những năm 20 đến 30 của thế kỷ XX, các nhà giáo dục học đã cố gắng lôi cuốn trẻ vào cuộc sống xung quanh; giới thiệu với trẻ tất cả những sự kiện của cuộc sống. Trong "Văn bản về phương pháp" - có thể coi là chương trình giáo dục mầm non đầu tiên ở Nga, đã xác định khối lượng, nội dung kiến thức về môi trường xung quanh, kể cả các sự kiện chính trị xã hội nổi bật.

Trong chương trình đầu tiên "Chương trình và chế độ sinh hoạt ở trường mầm non" (1932-1934) có một phần giáo dục chính trị xã hội và một phần làm quen với thiên nhiên. Tuy nhiên, vào thời kỳ đó chương trình đưa ra những kiến thức tương đối nặng đối với trẻ.

Năm 1938 xuất bản "Tài liệu hướng dẫn giáo viên mầm non", trong đó nhấn mạnh vai trò của giáo viên như người tổ chức quá trình giáo dục, việc cho trẻ làm quen với cuộc sống xung quanh cần phải tiến hành thường xuyên trong cuộc sống hằng ngày, phải được đặt làm cơ sở của toàn bộ công tác giáo dục ở trường mầm non.

Năm 1945 xuất bản tài liệu "Hướng dẫn giáo viên mầm non" trong đó có phần "Làm quen với xung quanh". Năm 1953, chương trình này trở thành bắt buộc trong các trường mầm non.

Năm 1962 đến 1969 trong chương trình chăm sóc và giáo dục trẻ có một phần mang tên "Làm quen với xung quanh và phát triển ngôn ngữ".

Vào cuối những năm 70 và thập kỷ 80 của thế kỷ XX, trong chương trình giáo dục mầm non và đào tạo cô mẫu giáo, lĩnh vực làm quen với môi trường xung quanh được tách thành 2 môn học là phương pháp làm quen với thiên nhiên và phương pháp làm quen với thực tiễn xã hội.

Hiện nay ở Nga phương pháp làm quen với thiên nhiên được thay bằng phương pháp giáo dục sinh thái. Đây là một xu hướng mới, xuất hiện vào cuối những năm 80 và đầu những năm 90. Những quan điểm cơ bản của giáo dục sinh thái gồm: cơ thể sống và môi trường; quần xã sinh vật và môi trường; con người và môi trường.

Ở một số nước khác trong chương trình giáo dục trẻ, một trong các lĩnh vực có liên quan nhiều đến nội dung, phương pháp tổ chức cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh có tên là *khoa học* (Khoa học là cách thức tìm hiểu thế giới xung quanh thông qua khám phá, thử nghiệm, phát hiện, giải thích, lập luận...). Kết quả của các hoạt động khám phá môi trường xung quanh là trẻ có được kiến thức khoa học đơn giản và quan trọng hơn là ở trẻ phát triển các năng lực cơ bản như quan sát, tư duy logic, phán đoán, suy luận...

Ở Việt Nam: Vấn đề cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh được các nhà giáo dục Việt Nam quan tâm từ những năm 50 - 60 của thế kỷ XX. Thời kỳ đó cho trẻ làm quen với môi trường

xung quanh được coi là phương tiện nhằm mục đích phát triển ngôn ngữ. Các nội dung làm quen với môi trường xung quanh được đưa vào phần "Nhận xét và tập nói" trong chương trình giáo dục mẫu giáo. Nội dung và phương pháp của phần này còn rất phiến diện và đơn điệu. Sau ngày đất nước hoàn toàn thống nhất (1975) nội dung của "Nhận xét và tập nói" được bổ sung, cải tiến và mang tên gọi mới "Tìm hiểu môi trường xung quanh và tập nói". Trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non, nội dung trên được đưa vào môn "Phương pháp phát triển ngôn ngữ".

Từ những năm 1980, khi chương trình dự thảo và cải cách mẫu giáo được biên soạn thì làm quen với môi trường xung quanh được tách ra như một lĩnh vực tương đối độc lập với tên gọi "Cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh". Tên gọi này được duy trì trong chương trình đổi mới hình thức chăm sóc và nuôi dạy trẻ (2004). Trong chương trình giáo dục mầm non sắp ban hành, làm quen với môi trường xung quanh được gọi là khám phá khoa học thuộc lĩnh vực phát triển nhận thức. Trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Sư phạm mầm non Phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh là một học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung của học phần này kế thừa được những kinh nghiệm tiên tiến trước đây, khắc phục những hạn chế của chương trình cải cách chỉ nặng về cung cấp kiến thức mà ít có các hoạt động trải nghiệm, hoạt động thực tiễn nhằm phát triển năng lực cho trẻ; đồng thời cập nhật những kiến thức mới của các chương trình trên thế giới và thành tựu nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước.

II. ĐẶC ĐIỂM NHẬN THỨC CỦA TRẺ VỀ THẾ GIỚI XUNG QUANH

1. Đặc điểm chung

1.1. Trẻ em có nhu cầu rất lớn trong việc nhận thức thế giới xung quanh

Nhu cầu nhận thức (theo N.X.Leiitex) là nhu cầu "động não", nhu cầu về sự thoả mãn suy nghĩ, niềm vui nhận thức⁽⁶⁾.

Nhu cầu nhận thức là một trong những nhu cầu cơ bản của con người. Nó xuất hiện từ khi đứa trẻ mới sinh ra và thể hiện mạnh mẽ vào cuối tuổi nhà trẻ và ở tuổi mẫu giáo.

Mức độ đầu tiên của nhu cầu nhận thức ở trẻ là nhu cầu có những ấn tượng từ thế giới bên ngoài. Đó là mức độ đầu tiên, có thể coi đó là nền tảng của những nỗ lực nhận thức. Tiền đề sinh học của nhu cầu này là phản xạ định hướng, hay như cách gọi của I.I.Paplov thì đó là phản xạ "Cái gì đây". Dưới ảnh hưởng của phản xạ này trẻ làm quen với những đặc điểm, tính chất của sự vật, tạo mối liên hệ giữa chúng.

Trẻ lứa tuổi nhà trẻ và mẫu giáo đặc biệt thích tiếp xúc, thích chơi, giao tiếp và khám phá thiên nhiên, thế giới người lớn và bạn bè, bản thân mình và các đồ dùng, đồ chơi, các hiện tượng xảy ra xung quanh. Càng ngày sự tiếp xúc cá nhân và tiếp xúc nhận thức càng chiếm vị trí đáng kể. Chính thông qua những tiếp xúc này trẻ thu thập kiến thức mới, mở rộng tầm nhìn, chính xác hoá kinh nghiệm cá nhân.

⁽⁶⁾ "Ещё одна особенность познавательной потребности ребёнка – это потребность в интеллектуальном удовольствии". Е.А.Леитес. *И.е.психология*. е. АКАДЕМА. 1996.

Nhu cầu có những ấn tượng dần dần chuyển thành tính ham hiểu biết. Đây có thể coi là mức độ thứ hai của nhu cầu nhận thức.

Tính ham hiểu biết thể hiện rõ ở những câu hỏi của trẻ. Nội dung của những câu hỏi rất đa dạng, không có một lĩnh vực kiến thức nào mà trẻ không hỏi, trẻ hỏi về bản thân, về cây cối, về trái đất, chiến tranh, bệnh dịch HIV v.v... Nội dung và tính chất của câu hỏi phụ thuộc vào lứa tuổi: Trẻ 2 đến 3 tuổi thường hỏi tên, đặc điểm, tính chất của đồ vật: Cái gì? Ai? Ở đâu? Như thế nào? Trẻ 4 đến 5 tuổi thường hỏi về mối liên hệ, quan hệ giữa các sự vật và hiện tượng thực tiễn, về hệ thống biểu tượng, về sự giống và khác nhau, v.v... Những câu hỏi: Tại sao? Để làm gì? thường xuyên được trẻ đưa ra. Trong những câu hỏi đó trẻ thể hiện mong muốn không chỉ biết mà còn tư duy, không đơn giản là để thu được thông tin mà còn tạo công việc cho tư duy. Trẻ 5 đến 6 tuổi thường đưa ra hàng loạt câu hỏi về một sự vật, hiện tượng cụ thể nào đó. Ví dụ: Có bao nhiêu loại khủng long? Tại sao chúng khác nhau? Tại sao khủng long lại tuyệt chủng? Khủng long trên tivi là thật hay giả?

Ở mức độ cao của tính ham hiểu biết là hứng thú nhận thức. Hứng thú nhận thức thể hiện ở mong muốn của trẻ biết cái mới, làm rõ cái chưa hiểu về đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng xung quanh, ham muốn đi sâu vào bản chất, tìm ra mối quan hệ giữa chúng (T.A. Kulikova)⁽⁷⁾. Dưới ảnh hưởng của hứng thú nhận thức trẻ tỏ ra có năng lực đối với sự tập trung chú ý bền vững, thể hiện tính độc lập trong giải quyết nhiệm vụ trí tuệ và thực hành. Trẻ trải nghiệm những xúc cảm tích cực: ngạc nhiên, vui sướng với kết quả nhận thức, tự tin vào bản thân mình. Hứng thú nhận thức của trẻ thể hiện trong trò chơi, trong hoạt động tạo hình, kể chuyện và các hoạt động khác. Từ những biểu hiện của nhu cầu nhận thức nêu trên có thể rút ra một số kết luận sư phạm như sau:

- Gia đình, trường mầm non cần tạo điều kiện cho trẻ được tiếp xúc thường xuyên với thiên nhiên, người lớn, bạn bè và thế giới đồ vật.

- Cần có "Nghệ thuật" trả lời các câu hỏi của trẻ:

Thứ nhất, cần có thái độ tôn trọng đối với các câu hỏi của trẻ.

Thứ hai, câu trả lời cần ngắn gọn và rõ ràng để không dập tắt khát vọng hiểu biết của trẻ mà phải tạo ra tiền đề cho những suy nghĩ, tưởng tượng, hoài nghi của trẻ. Cũng cần phải tính đến mức độ phát triển trí tuệ và vốn kinh nghiệm của trẻ.

Thứ ba, không nên vội vàng có câu trả lời ngay, có thể cùng với trẻ tìm câu trả lời trong sách vở, gợi ý để trẻ hỏi ở người lớn có kinh nghiệm hơn, hoặc tổ chức cho trẻ quan sát, trải nghiệm, khám phá.

- Gia đình, trường mầm non cần tổ chức các hoạt động phong phú, đa dạng nhằm kích thích hứng thú nhận thức cho trẻ.

1.2. Nhận thức của trẻ mang tính trực quan

- Ở trẻ tuổi mầm non, trong quá trình tiếp xúc với các sự vật của thế giới khách quan bước đầu đã có sự nhận thức nhưng sự nhận thức của trẻ nhỏ thường chỉ mang tính nhận mặt. Trẻ có thể gọi

⁽⁷⁾ C.A.Ấợởợợ; T.A.Ấứởợợợ. *Ấứởợợợợ ứợợợợợ*. è. ÀCDEèÀ. 2002.

đúng tên sự vật, biết nó là cái gì, của ai nhưng không lý giải được vì sao lại như thế, nói cách khác trẻ chưa biết tách các dấu hiệu đặc trưng của sự vật, hiện tượng. Khi có sự hướng dẫn của người lớn ở trẻ có sự nhận biết nhưng trẻ thường chỉ nhận biết được các dấu hiệu bên ngoài của sự vật, hiện tượng, còn các dấu hiệu bên trong thuộc về bản chất thì trẻ chưa nhận biết được.

Ví dụ: Trẻ biết trên tivi có hình ảnh, có âm thanh nhưng vì sao lại có thì trẻ chưa hiểu và chưa giải thích được. Trong một số trường hợp, khi các dấu hiệu bên trong được thể hiện ra bằng các dấu hiệu bên ngoài thì trẻ có thể nhận biết được. Ví dụ: trẻ biết quả chuối chín vì nó có màu vàng, nắn thấy chuối mềm và ngửi thấy mùi thơm hoặc trẻ biết con gà trống vì có mào đỏ, to, chân cao, có cựa, đuôi dài và cong.

- Trẻ dễ dàng tập trung chú ý, ghi nhớ và tái hiện sự vật, hiện tượng lạ, hấp dẫn, ngộ nghĩnh. Khả năng chú ý, ghi nhớ và tái hiện của trẻ còn phụ thuộc vào mức độ tích cực hành động với đối tượng.

- Trẻ chỉ có thể nhận biết chính xác các thuộc tính của sự vật, hiện tượng khi được hành động trực tiếp với đối tượng, nói cách khác là trẻ được trải nghiệm. Ví dụ: trẻ biết chanh chua khi được nếm; biết hoa hồng thơm khi được ngửi; biết không thể dùng tay bóc vỏ quả dứa khi được trực tiếp "bóc" vỏ, v.v...

Kết luận sư phạm cho những biểu hiện này như sau:

- Trong quá trình cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh việc cung cấp tri thức chỉ dừng ở mức biểu tượng và khái niệm sơ đẳng.

- Cần tăng cường các yếu tố trực quan sinh động và hấp dẫn, đặc biệt phải tổ chức các hoạt động tích cực trong quá trình cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh.

- Việc cho trẻ nhận biết các dấu hiệu đặc trưng, các thuộc tính của đối tượng phải thông qua các trải nghiệm, các hoạt động trực tiếp của trẻ với đối tượng.

2. Đặc điểm nhận thức của trẻ ở từng lứa tuổi

Trẻ từ 0 đến 6 tuổi là đối tượng giáo dục của nhiều lĩnh vực văn hoá trong đó có làm quen với môi trường xung quanh. Ở lứa tuổi này tốc độ và nội dung phát triển của trẻ diễn ra rất nhanh và đa dạng. Để có thể đưa ra các yêu cầu, nội dung, phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh một cách hợp lý cần phải nắm được đặc điểm nhận thức ở từng độ tuổi.

Trong tâm lý học trẻ em có rất nhiều cách tiếp cận vấn đề phân chia các giai đoạn lứa tuổi. Một số tác giả tiêu biểu có thể kể đến như: P.P.Blonski phân chia các giai đoạn lứa tuổi theo sự xuất hiện và thay răng; L.X.Vugotski phân chia theo các giai đoạn khủng hoảng lứa tuổi; J.Piaget thì phân chia dựa vào sự hình thành và phát triển các chức năng tâm lý⁽⁸⁾.

Tuy cách phân chia có khác nhau song các tác giả đều thống nhất quan điểm coi sự phát triển là quá trình tự vận động không ngừng, đặc trưng của nó ở mỗi giai đoạn là liên tục xuất hiện và tạo thành cái mới, cái chưa có ở giai đoạn trước.

⁽⁸⁾ Phan Trọng Ngọ, Chủ biên (2001), *Tâm lý học trí tuệ*, NXB ĐHQG Hà Nội.

Từ kết quả nghiên cứu của tâm lý học, trong giáo dục học trẻ em giai đoạn từ 0 đến 6 tuổi được phân thành hai thời kỳ lớn, đó là giai đoạn từ 0 đến 3 tuổi gọi là lứa tuổi nhà trẻ và giai đoạn từ 3 đến 6 tuổi là giai đoạn mẫu giáo. Mỗi giai đoạn trên lại được phân chia thành các giai đoạn nhỏ hơn. Mỗi giai đoạn đều được đặc trưng bởi các đặc điểm phát triển nhất định.

- *Lứa tuổi nhà trẻ (0 đến 3 tuổi)*

Trẻ lứa tuổi nhà trẻ được đặc trưng bởi tốc độ phát triển nhanh về mặt thể chất và tâm lý. Sự phát triển thể chất có quan hệ và ảnh hưởng rõ rệt tới sự phát triển trí tuệ của trẻ.

Trẻ lứa tuổi nhà trẻ nhận thức thế giới thông qua cảm giác và tri giác, hai quá trình này tạo điều kiện cho sự phát triển nhận cảm (Cổđứođứođứo ãầđứođứođứo) ở trẻ. Giáo dục nhận cảm là cơ sở cho giáo dục trí tuệ vì thông qua cảm giác và tri giác trẻ biết về đặc điểm, tính chất của thế giới xung quanh. Trước khi biết nói trẻ đã biết chỉ tay vào đối tượng để trả lời câu hỏi của người lớn.

Trẻ lứa tuổi nhà trẻ đã lĩnh hội ngôn ngữ và sự phát triển ngôn ngữ gắn liền với sự phát triển tư duy. Những biểu hiện đầu tiên của tư duy xuất hiện vào cuối năm thứ nhất và đầu năm thứ hai khi đứa trẻ lĩnh hội các hành động thực hành, định hướng vào việc làm rõ mối quan hệ giữa các đối tượng. Đây là tư duy trực quan hành động. Cũng ở giai đoạn này ở trẻ đã phát triển các quá trình tâm lý khác như: trí nhớ, chú ý. Chúng đảm bảo cho trẻ nhận thức thế giới đầy đủ và chính xác hơn.

Giữa năm thứ hai trẻ có thể đưa ra một vài kết luận đơn giản, thiết lập các mối quan hệ nhân quả giữa các hiện tượng. Để có được điều này trẻ phải có sự giúp đỡ của người lớn (chỉ cho trẻ, nhắc nhở và hành động cùng trẻ). Ở tuổi này (cuối năm thứ ba) trẻ đã có thể phân biệt âm thanh theo độ cao, cường độ và nhịp điệu, biết gọi tên một số màu sắc. Nghiên cứu của L.A.Venger và các cộng sự cho thấy trẻ 2 đến 3 tuổi có thể phân biệt các hình cơ bản và các hình dạng gần gũi, các màu trong quang phổ và những sắc thái của chúng.

Ở tuổi này, hoạt động chủ đạo là hoạt động với đồ vật. Thông qua đó, trẻ lĩnh hội cách sử dụng các công cụ và phương tiện vật chất. Cùng với giao tiếp, hoạt động với đồ vật làm cơ sở cho sự xuất hiện trò chơi sáng tạo ở tuổi mẫu giáo.

Trẻ nhà trẻ cũng đã tích lũy được những kinh nghiệm xã hội đầu tiên. Ở trẻ hình thành những thói quen hành vi. Nhu cầu tiếp xúc cá nhân với người lớn ngày càng tăng, điều đó giúp trẻ mở rộng vốn hiểu biết của mình.

- *Lứa tuổi mẫu giáo (3 đến 6 tuổi)*

- *Mẫu giáo bé (3 đến 4 tuổi):*

Việc tiếp xúc của trẻ với thế giới bên ngoài được mở rộng hơn. Trẻ bắt đầu tìm hiểu thế giới của chính con người và dần dần khám phá ra các mối quan hệ đa dạng giữa người với người. Trẻ đã nhận biết được vị trí của mình trong gia đình và trong trường, lớp mẫu giáo.

Lứa tuổi mẫu giáo bé cũng là điểm khởi đầu của sự hình thành ý thức bản ngã nên trong ý thức của trẻ còn mang đậm đặc điểm duy kỷ. Trẻ mới chỉ nhận biết được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt, giao tiếp ở gia đình và trường mẫu giáo.

Tư duy của trẻ mẫu giáo bé đã đạt tới ranh giới của tư duy trực quan hình tượng nhưng các hình tượng và biểu tượng của trẻ còn gắn liền với hành động, vì vậy cần giúp trẻ tích lũy nhiều biểu tượng thông qua quan sát, tiếp xúc với thế giới xung quanh để cho thế giới biểu tượng ngày càng phong phú. Trẻ lứa tuổi này đã biết phân biệt các sự vật, hiện tượng bằng dấu hiệu bên ngoài tiêu biểu, nhận ra sự khác nhau rõ nét giữa hai đối tượng. Tư duy của trẻ còn gắn liền với xúc cảm và ý muốn chủ quan. Trẻ hay đặt câu hỏi "Tại sao?" là vì tư duy của trẻ chưa cho phép tìm ra những nguyên nhân khách quan. Đối với trẻ mọi vật đều có hồn, có tính tình và ý thích.

Trẻ mẫu giáo bé chưa biết phân tích, tổng hợp. Cách nhìn nhận sự vật của trẻ là theo lối *trực giác toàn bộ*. Khi nhìn một sự vật trẻ không bao quát được sự vật đó là gồm nhiều chi tiết phức tạp mà chỉ để tâm lần lượt đến từng chi tiết một và không liên kết các chi tiết ấy lại với nhau thành một tổng thể.

Theo L.X. Vugotxki, sau 3 tuổi tư duy của trẻ đã sẵn sàng hiểu biết các mối quan hệ nhân quả và sự phụ thuộc nếu như chúng thể hiện ở hình thức trực quan hình tượng. Tư duy của trẻ sẽ cụ thể nếu như chúng ta cung cấp cho trẻ những kiến thức cụ thể rời rạc, đứt đoạn và riêng lẻ. Nếu chúng ta cung cấp kiến thức về các mối liên hệ đơn giản và sự phụ thuộc thì trẻ không chỉ tiếp thu được mà còn lập luận, suy luận về chúng.

Trẻ mẫu giáo bé rất thích thú khi quan sát các sự vật, hiện tượng xung quanh, thích bắt chước những vận động, hoạt động ngộ nghĩnh, mới lạ.

- Lứa tuổi mẫu giáo nhỏ (4 đến 5 tuổi):

Mẫu giáo nhỏ là giai đoạn phát triển mạnh mẽ nhất của tư duy trực quan hình tượng. Trẻ em có nhu cầu khám phá các quan hệ phụ thuộc giữa các sự vật, hiện tượng để giải bài toán nhận thức ngày càng đa dạng và phức tạp. Trẻ mẫu giáo nhỏ cũng đã có khả năng suy luận mặc dù những kết luận của trẻ còn rất ngây thơ, ngộ nghĩnh. Trẻ chưa có khả năng tư duy trừu tượng, trẻ thường chỉ dựa vào những biểu tượng đã có, những kinh nghiệm đã trải qua để suy luận những vấn đề mới, nhưng chúng thường chỉ dừng lại ở các hiện tượng bên ngoài chứ chưa đi sâu vào bản chất bên trong. Trẻ dễ lẫn lộn những thuộc tính bản chất và không bản chất của sự vật, hiện tượng, vì vậy cần phải tiếp tục cung cấp những biểu tượng một cách phong phú, đa dạng, hệ thống hoá và chính xác hoá dần các biểu tượng về thế giới khách quan.

Trẻ mẫu giáo nhỏ đã biết so sánh các dấu hiệu giống và khác nhau của hai đối tượng. Trong giao tiếp trẻ đã có ý thức đối với hành động và lời nói của mình. Trẻ biết thực hiện nghĩa vụ bản thân và tuân thủ những quy định về nề nếp trong vui chơi, học tập, lao động và sinh hoạt ở gia đình cũng như ở trường mầm non.

Tình cảm của trẻ mẫu giáo nhỏ rất mãnh liệt, trẻ thường biểu lộ tình cảm với người thân, những nhân vật trong truyện, các con vật, cỏ cây, đồ vật, đồ chơi và các hiện tượng trong thiên nhiên. Trẻ biết rung cảm rất nhạy bén với những cái đẹp trong thế giới xung quanh. Đối với trẻ cái đẹp, cái tốt chỉ là một, vì vậy để giáo dục tình cảm đạo đức cho trẻ cần sử dụng đồ dùng trực quan đẹp, sinh động và hấp dẫn.

- Trẻ mẫu giáo lớn (5 đến 6 tuổi):

Ở tuổi này trẻ đã biết tương đối nhiều về bản thân, biết điều khiển những cảm xúc và hành vi, điều đó tạo điều kiện cho sự chủ động của hành vi. Ở mẫu giáo lớn, ý thức bản ngã của trẻ đã được xác định, trẻ đã có khả năng so sánh mình với những người khác. Trẻ đã hiểu được giới tính của mình và biết phải thể hiện thế nào cho phù hợp với giới tính. Trẻ đã có thể lĩnh hội các khái niệm sơ đẳng và có các lập luận, kết luận chính xác khi được dạy dỗ.

Chú ý của trẻ mẫu giáo lớn đã tập trung hơn và bền vững hơn. Ghi nhớ cũng có tính chủ động nhiều hơn.

Trẻ mẫu giáo lớn đã có khả năng tổng hợp và khái quát hoá đơn giản những dấu hiệu tiêu biểu bên ngoài. Trẻ biết so sánh đặc điểm giống và khác nhau của một vài đối tượng, biết phân nhóm các đối tượng theo một hay vài dấu hiệu rõ nét.

Ở trẻ mẫu giáo lớn, kiểu tư duy trực quan hình tượng vẫn mạnh mẽ, vào cuối tuổi mẫu giáo lớn đã xuất hiện kiểu tư duy trực quan sơ đồ. Nó cho phép trẻ đi sâu vào những mối liên hệ phức tạp của sự vật và mở ra khả năng nhìn thấy bản chất của sự vật, hiện tượng, giúp trẻ lĩnh hội kiến thức ở trình độ khái quát cao nhưng vẫn nằm trong phạm vi của tư duy trực quan hình tượng nói chung. Theo tác giả L.A.Venger, tư duy trực quan sơ đồ của trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi là quá trình hình thành các biểu tượng về không gian với hai thao tác trí tuệ là *sơ đồ hoá* (mã hoá), tức là sắp xếp vị trí của các sự vật trong không gian thật (3 chiều) vào một sơ đồ (không gian 2 chiều) theo một chuẩn trong một hệ quy chiếu nhất định bằng các ký hiệu đã được quy ước, và *đọc hiểu sơ đồ* (giải mã), tức là từ một sơ đồ không gian 2 chiều trẻ có thể xác định vị trí của các vật tồn tại trong không gian thật (3 chiều) theo hướng và mốc định hướng nhất định. Tư duy trực quan sơ đồ là kiểu trung gian quá độ để chuyển từ kiểu tư duy trực quan hình tượng lên kiểu tư duy mới khác về chất, đó là tư duy lôgic (tư duy trừu tượng). Kiểu tư duy này đã xuất hiện ở mẫu giáo lớn khi trẻ biết sử dụng thành thạo các vật thay thế. Khi đã phát triển tốt chức năng ký hiệu của ý thức, trẻ bắt đầu hiểu rằng có thể biểu thị một sự vật hay một hiện tượng nào đó bằng những từ ngữ hay những ký hiệu khác.

Ở trẻ 5 tuổi, theo L.X.Vugotxki diễn ra "Sự trí tuệ hoá cảm xúc". Trẻ có khả năng ý thức, hiểu và giải thích những tình cảm của riêng mình và trạng thái xúc cảm của bạn bè, làm thay đổi một cách cơ bản quan hệ của trẻ với bạn bè. Trẻ đã biết đánh giá nhóm bạn bè qua sự giúp đỡ, hợp tác trong học tập và vui chơi, chia sẻ suy nghĩ, tình cảm, xuất hiện tình bạn.

Ở lứa tuổi này, kinh nghiệm xã hội của trẻ rất nhiều. Trẻ biết thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ của mình, hiểu được ý nghĩa của lao động đối với con người. Có ý thức đối với hành động văn hoá và hành vi văn minh trong cuộc sống.

Kết luận sơ phạm: Nội dung, phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh phải phù hợp với đặc điểm nhận thức ở từng lứa tuổi.

III. MỤC ĐÍCH, NHIỆM VỤ VÀ CÁC NGUYÊN TẮC CHO TRẺ LÀM QUEN VỚI MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH

1. Mục đích

Mục đích cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh chính là kết quả mong muốn đạt tới của quá trình tổ chức các hoạt động làm quen với môi trường xung quanh. Việc xây dựng mục đích cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh trước hết dựa trên các cơ sở khoa học:

- Mục tiêu chung của giáo dục mầm non là "Hình thành ở trẻ những chức năng tâm lý, những cơ sở ban đầu của nhân cách, năng lực làm người của trẻ và chuẩn bị cho trẻ vào học phổ thông có hiệu quả..." (Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ 5 đến 6 tuổi, 2002 - 2003).

- *Mức độ nhận thức* (theo Bloom), bao gồm: biết, hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá. Đối với trẻ em mục tiêu kiến thức dừng ở 3 mức độ đầu tiên.

- Mục đích học tập mà UNESCO đưa ra: Học để biết, để làm, để sống cùng với mọi người, để thành người.

- Mô hình nhân cách con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá "... Làm chủ tri thức khoa học và công nghệ hiện đại, có tư duy sáng tạo, có kỹ năng thực hành giỏi, có tác phong công nghiệp, có tính tổ chức kỷ luật..." (Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai – Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII).

- Đặc trưng của nội dung, phương pháp làm quen với môi trường xung quanh ở trường mầm non.

Từ các cơ sở nêu trên tổ chức cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh nhằm đạt các mục đích như sau:

- Cung cấp hệ thống kiến thức đơn giản, chính xác, cần thiết về các sự vật, hiện tượng gần gũi xung quanh.

- Phát triển các năng lực nhận thức để trẻ có thể tự phát hiện vấn đề, tích lũy kiến thức và giải quyết các tình huống đơn giản xảy ra trong cuộc sống.

- Giáo dục thái độ ứng xử đúng đắn đối với thiên nhiên và xã hội.

2. Nhiệm vụ

- Hình thành, củng cố các biểu tượng về các sự vật, hiện tượng gần gũi xung quanh. Các biểu tượng cần phải hình thành ở trẻ gồm có: biểu tượng cụ thể (biểu tượng về con gà trống, con gà mái ...) và biểu tượng khái quát, còn gọi là khái niệm sơ đẳng (biểu tượng về gia súc, gia cầm, cây...)

- Phát triển các kỹ năng nhận thức, bao gồm:

- + Quan sát: Sử dụng các giác quan để thu thập thông tin về đối tượng quan sát.

- + So sánh: Tìm những điểm giống và khác nhau của các đối tượng. Có thể so sánh các đối tượng có nhiều điểm giống nhau để xếp chúng vào một nhóm hoặc so sánh những đối tượng có nhiều điểm khác nhau để thấy được sự phong phú, đa dạng của chúng.

+ Phân nhóm: Xếp các nhóm đối tượng theo các dấu hiệu tiêu biểu như cấu tạo ngoài, chất liệu, công dụng. Phân nhóm có thể theo một dấu hiệu hoặc nhiều dấu hiệu cùng lúc.

+ Đo lường: Thông qua quan sát và hành động thực tiễn để nhận biết về lượng, kích thước, thời gian, nhiệt độ, v.v... Đo lường thường kéo theo việc xếp các đối tượng theo trật tự. Ví dụ: Xếp các con vật theo thứ tự kích thước tăng dần.

+ Giao tiếp: Trao đổi ý tưởng, hướng dẫn mô tả bằng lời hoặc bằng hình ảnh, sơ đồ, ký hiệu sao cho người khác hiểu ý tưởng của mình.

+ Suy luận: Dựa trên kết quả quan sát để đưa ra nhiều nhận xét hơn về tình huống quan sát được. Nó đòi hỏi trẻ phải có một vốn kiến thức nhất định, trẻ phải suy ra một điều mà trẻ chưa nhìn thấy, bởi vì nó chưa xảy ra hoặc vì nó không thể quan sát trực tiếp được.

+ Phán đoán: Đưa ra những dự báo hợp lý hoặc ước lượng dựa trên kết quả quan sát và kinh nghiệm cũng như kiến thức của mình. Ví dụ: Nếu không được tưới nước thì lá cây sẽ héo khô. Dự đoán có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình phát triển hiểu biết về nguyên nhân và kết quả, từ đó có thể phát triển thành khả năng nhận biết quy luật và dựa trên quy luật để dự đoán chính xác điều sẽ xảy ra.

+ Đặt giả thuyết, kiểm soát các điều kiện bằng nghiên cứu. Đây là những kỹ năng nghiên cứu thường được hình thành ở các thí nghiệm đơn giản. Ví dụ: Làm thế nào để biết cái hạt đỗ này có thể nảy mầm? Cần phải chuẩn bị và làm những gì?

Ngoài các kỹ năng nhận thức nêu trên cần hình thành thái độ tích cực đối với việc lĩnh hội kiến thức: tính tò mò, ham hiểu biết, tính hoài nghi, lạc quan và tự tin. Cũng cần phải phát triển ở trẻ khả năng chú ý, ghi nhớ có chủ định và các quá trình nhận thức.

- Phát triển ngôn ngữ:

+ Rèn khả năng phát âm đúng.

+ Làm giàu, chính xác vốn từ.

+ Rèn luyện ngôn ngữ mạch lạc.

Các nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ nêu trên cần được chú trọng giải quyết trong mối quan hệ với các nhiệm vụ khác. Cần tránh ý kiến cho rằng làm quen với môi trường xung quanh chỉ để nhằm phát triển ngôn ngữ, hoặc ngược lại coi nhẹ các nhiệm vụ này.

- Giáo dục tình cảm đạo đức, thẩm mỹ.

Giáo dục cho trẻ có những xúc cảm, tình cảm tích cực đối với thiên nhiên, với những người xung quanh, với quê hương, đất nước. Cần giáo dục ở trẻ tình yêu thương đối với những sinh vật nhỏ bé nhất như cỏ cây, hoa lá, các con vật... bởi vì đây cũng chính là tiền đề của tình yêu quê hương, đất nước. Trẻ cũng rất cần được giáo dục để yêu những người thân của mình trước tiên và sau đó là những người xung quanh, những người lao động, biết trân trọng những sản phẩm do người lớn làm ra. Đồng thời với những tình cảm đạo đức cần giáo dục cho trẻ biết rung cảm trước cái đẹp trong thiên nhiên và trong xã hội, trẻ biết quý trọng, nâng niu cái đẹp và sau đó là có mong muốn tạo ra cái đẹp. Giáo dục tình cảm đạo đức, thẩm mỹ cho trẻ mầm non cần phải có hiệu quả thực chất, tránh hình thức. Điều này chủ yếu phụ thuộc vào phương pháp, nghệ thuật sư phạm của giáo viên.

- Giáo dục thái độ ứng xử đúng đắn với thiên nhiên và xã hội.

Thái độ ứng xử đúng đắn phải dựa trên lòng nhân ái, tình yêu đối với cái đẹp, thái độ tôn trọng, gìn giữ môi trường và bước đầu biết sống có văn hoá, cụ thể là:

- + Đối với thiên nhiên trẻ phải có thái độ gần gũi, gìn giữ, có ý thức chăm sóc và bảo vệ.
- + Đối với người lớn trẻ phải có thái độ lễ phép, tôn trọng, nghe lời, cảm thông, chia sẻ.
- + Đối với bạn bè phải biết chia sẻ, nhường nhịn, hợp tác, giúp đỡ...
- + Đối với đồ dùng, đồ chơi trẻ biết giữ gìn, sử dụng ngăn nắp, vệ sinh.

Bước đầu giáo dục cho trẻ ý thức bảo vệ môi trường, thái độ tôn trọng chấp hành các quy tắc, luật lệ giao thông.

- Hình thành và rèn luyện thói quen, kỹ năng cần thiết; hành vi văn hoá, văn minh.

Thông qua làm quen với môi trường xung quanh cần rèn luyện cho trẻ:

- + Các thói quen lễ phép trong giao tiếp, thói quen vệ sinh.
- + Kỹ năng lao động tự phục vụ, chăm sóc cây cối và giúp đỡ cô giáo, người lớn xung quanh.
- + Kỹ năng làm việc tập thể như: kỹ năng thoả thuận, hợp tác, chia sẻ, giúp đỡ...
- + Kỹ năng học tập: kỹ năng phát biểu, bước đầu biết sử dụng một số đồ dùng học tập.

+ Hành vi văn hoá trong giao tiếp, ứng xử, chấp hành quy định ở nơi công cộng và trong tham gia giao thông.

3. Các nguyên tắc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh

Làm quen với môi trường xung quanh là một trong những nội dung giáo dục cho trẻ mầm non, vì vậy nó tuân theo các nguyên tắc dạy học nói chung và các nguyên tắc giáo dục trẻ mầm non nói riêng. Các nguyên tắc này là các quan điểm lý luận chỉ đạo toàn bộ quá trình cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh, đặc biệt là việc lựa chọn nội dung, phương pháp và việc tổ chức các hình thức cho trẻ làm quen. Dưới đây là một số nguyên tắc chính.

3.1. Đảm bảo tính mục đích

Việc tổ chức cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh phải hướng tới thực hiện mục tiêu chung của Giáo dục Mầm non là "Hình thành ở trẻ những chức năng tâm lý, những cơ sở ban đầu của nhân cách, năng lực làm người của trẻ và chuẩn bị cho trẻ vào học phổ thông có hiệu quả...". Các nội dung lựa chọn cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh, việc tổ chức các hình thức làm quen phải giải quyết tốt nhất các nhiệm vụ đề ra. Trên thực tế, các nhiệm vụ giáo dục như cung cấp kiến thức và rèn luyện năng lực trí tuệ thường được chú trọng hơn các nhiệm vụ giáo dục. Điều đó dẫn đến kết quả là năng lực ứng xử của trẻ chưa được giáo dục một cách đầy đủ. Vì vậy, khi hướng dẫn trẻ các hoạt động làm quen với môi trường xung quanh đòi hỏi giáo viên mầm non phải xác định đầy đủ cả nhiệm vụ giáo dục và giáo dục, làm sao để giáo dục trẻ một cách thiết thực và hiệu quả nhất, tránh hình thức, giáo điều. Ví dụ: Làm quen với phương tiện giao thông cần giáo dục trẻ có hành vi văn hoá khi được đi trên các phương tiện giao thông thay bằng giáo dục trẻ biết bảo

quản, sử dụng các phương tiện giao thông đó; làm quen với bác nông dân không chỉ giáo dục trẻ kính trọng bác nông dân mà còn phải giáo dục trẻ quý trọng sản phẩm do bác nông dân làm ra.

3.2. Đảm bảo tính khoa học và phát triển

- Đảm bảo tính khoa học

Những kiến thức về môi trường xung quanh cần cung cấp cho trẻ là những kiến thức sơ đẳng về sinh vật học, lịch sử, địa lý, vật lý... Vì vậy, việc tổ chức cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh ở trường mầm non phải đảm bảo tính khoa học. Cụ thể:

+ Kiến thức cung cấp cho trẻ phải đơn giản, chính xác, có hệ thống và không được tùy tiện. Những kiến thức cung cấp cho trẻ lứa tuổi mầm non là kiến thức "tiền khoa học" và kiến thức đời sống.

+ Hệ thống kiến thức cung cấp cho trẻ phải liên tục trong cả 3 độ tuổi và phải phù hợp với trình độ nhận thức ở từng độ tuổi.

Ví dụ: Ở tất cả các độ tuổi mầm non đều cho trẻ làm quen với động vật nhưng ở mỗi độ tuổi khối lượng kiến thức không giống nhau; lứa tuổi càng lớn thì phạm vi các đối tượng làm quen càng rộng, kiến thức càng sâu sắc và khái quát hơn.

Việc phức tạp dần các nội dung cho trẻ làm quen cần phải tính đến sự hình thành những mối liên hệ và sự phụ thuộc giữa các đối tượng của thực tiễn chứ không phải bằng con đường mở rộng một cách đơn giản các sự kiện cần lĩnh hội.

+ Kiến thức cung cấp cho trẻ thường đi từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp.

+ Cho trẻ làm quen với các đối tượng gần gũi, quen thuộc trước rồi mới đến các đối tượng ở xa mà trẻ ít được tiếp xúc.

- Đảm bảo tính phát triển

+ Phát triển về đối tượng cho trẻ làm quen: Các sự vật, hiện tượng ở xung quanh chúng ta không tồn tại ở một trạng thái cố định mà nó luôn luôn nằm trong sự thay đổi, phát triển không ngừng, vì vậy cần cho trẻ làm quen với các sự vật, hiện tượng trong các trạng thái khác nhau và cho trẻ cảm nhận được sự phát triển, thay đổi của chúng.

Ví dụ: Làm quen với bông hoa trẻ cần phải biết là trước bông hoa là nụ, sau bông hoa là quả hoặc hoa tàn.

Với thiên nhiên vô sinh hoặc các đồ vật, hiện tượng cần cho trẻ thấy được cái "quá khứ", cái "hiện tại" và cái "tương lai" của chúng.

Ví dụ: Làm quen với đồ dùng bằng gỗ trẻ biết những đồ dùng này được làm từ gỗ của các loại cây khác nhau. Cái bàn hoặc ghế vẫn được dùng để làm việc hoặc sẽ biến thành củi là phụ thuộc vào cách sử dụng và bảo quản của con người.

+ Phát triển về nội dung và phương pháp cho trẻ làm quen: Các sự vật, hiện tượng xung quanh rất phong phú, đa dạng, vì vậy cần áp dụng nguyên tắc "Dạy 1 biết 10", tức là dạy trẻ cách tìm hiểu, khám phá một số đối tượng tiêu biểu, từ đó trẻ sẽ tự làm quen với các đối tượng khác.

Ví dụ: Làm quen với một số loại hoa, cô hướng dẫn trẻ quan sát một số đặc điểm của hoa hồng, hoa cúc, hoa lay ơn, còn những loại hoa khác trẻ tự áp dụng cách cô hướng dẫn để tìm hiểu chúng.

3.3. Đảm bảo tính thực tiễn

"Thực tiễn là cơ sở của nhận thức", vì vậy các nội dung cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh phải xuất phát từ thực tiễn thiên nhiên và xã hội ở chính địa phương của trẻ. Giáo viên cần vận dụng linh hoạt các gợi ý của chương trình, đồng thời tận dụng những điều kiện, hoàn cảnh ở địa phương để lựa chọn nội dung cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh từ các chủ điểm cho sẵn. Việc xác định các yêu cầu giáo dục và giáo dưỡng; việc sử dụng các phương pháp, hình thức cho trẻ làm quen cũng cần phù hợp với thực tiễn của trẻ, của trường mầm non và của địa phương. Giáo viên mầm non cần nghiên cứu và tìm hiểu điều kiện tự nhiên, văn hóa, phong tục, tập quán và truyền thống của địa phương nơi trẻ sinh sống trước khi tiến hành cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh.

3.4. Đảm bảo tính trực quan thẩm mỹ

Xuất phát từ đặc điểm nhận thức của trẻ là thiên về trực quan hành động cho nên trong quá trình cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh cần phải tăng cường các yếu tố trực quan, nhằm giúp trẻ nhận thức thế giới khách quan một cách hiệu quả, toàn diện và chính xác. Các đồ dùng trực quan sử dụng cho trẻ làm quen phải đảm bảo yêu cầu sư phạm, thẩm mỹ. Đồ dùng trực quan là tranh, ảnh, mô hình thì các đối tượng phản ánh trong đó phải giống như trên thực tế. Tránh sử dụng những tranh ảnh dùng cho kể chuyện cổ tích để cho trẻ nhận biết về các sự vật, hiện tượng xung quanh.

3.5. Đảm bảo tính tích cực hoạt động của trẻ

Hoạt động cá nhân là một trong những nhân tố quyết định sự hình thành và phát triển nhân cách của trẻ, đồng thời tổ chức hoạt động theo hướng tích cực hoá hoạt động của trẻ cũng là yêu cầu cơ bản của chương trình đổi mới.

Vai trò của giáo viên mầm non là phải tạo ra được môi trường hoạt động phong phú, đa dạng và hấp dẫn. Ví dụ: các đồ dùng, đồ chơi ở lớp, các nguyên liệu của thiên nhiên vô sinh, thực vật, động vật ở góc thiên nhiên phải lôi cuốn sự chú ý của trẻ, kích thích trẻ khám phá, nhận biết.

Giáo viên cũng cần động viên, khuyến khích và tạo nhiều cơ hội cho trẻ được trải nghiệm, ứng dụng những điều đã biết vào trong thực tiễn.

Trong các hoạt động cho trẻ làm quen có tổ chức giáo viên cần phải sử dụng các phương pháp nhằm phát huy cao độ tính tích cực hoạt động của trẻ. Tính tích cực của trẻ phải được biểu hiện ở các hoạt động tiếp xúc với đối tượng bằng nhiều giác quan và các hoạt động tư duy linh hoạt. Mỗi giờ hoạt động chung cần cho trẻ tham gia vào các dạng hoạt động khác nhau như: hoạt động tập thể, hoạt động theo nhóm và hoạt động cá nhân.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Đọc kỹ chương 1 trong giáo trình và các tài liệu tham khảo; đối chiếu với bài giảng, bổ sung thêm những thông tin cần thiết cho bài giảng.

- Tìm đọc các tài liệu về lịch sử giáo dục học, các quan điểm nói về vai trò của việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh với sự phát triển của trẻ.

- Đọc các tài liệu:

+ Tâm lý học trẻ em trước tuổi đi học - Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên). ĐHSP Hà Nội I.

+ Tâm lý học trẻ em - Ngô Công Hoàn. ĐHSP Hà Nội I.

Đọc kỹ đặc điểm nhận thức của trẻ mẫu giáo về môi trường xung quanh để bổ sung thêm thông tin và ví dụ cho giáo trình và bài giảng.

- Đọc các tài liệu: Giáo dục học mầm non - Đào Thanh Âm (Chủ biên), ĐHSP Hà Nội I.2003. Tìm đọc tài liệu nói về mục đích, nhiệm vụ, các nguyên tắc giáo dục mầm non; so sánh với mục đích, nhiệm vụ, các nguyên tắc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày một số quan điểm về tầm quan trọng của việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh đối với sự phát triển của trẻ.
2. Trình bày quá trình hình thành và phát triển của chương trình cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh ở Nga và Việt Nam.
3. Phân tích những đặc điểm nhận thức của trẻ mầm non nói chung và kết luận sự phạm của mỗi đặc điểm.
4. Phân tích đặc điểm nhận thức đặc trưng của từng độ tuổi: nhà trẻ; mẫu giáo bé; mẫu giáo nhỡ; mẫu giáo lớn và kết luận sự phạm.
5. Trình bày mục đích, nhiệm vụ cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh. So sánh với mục đích, nhiệm vụ giáo dục mầm non.
6. Phân tích các nguyên tắc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh. Trình bày một số ví dụ về cách vận dụng các nguyên tắc đó trong việc lựa chọn và thực hiện nội dung, phương pháp, phương tiện và hình thức cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh.

Chương 2

NỘI DUNG CHO TRẺ LÀM QUEN VỚI MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH

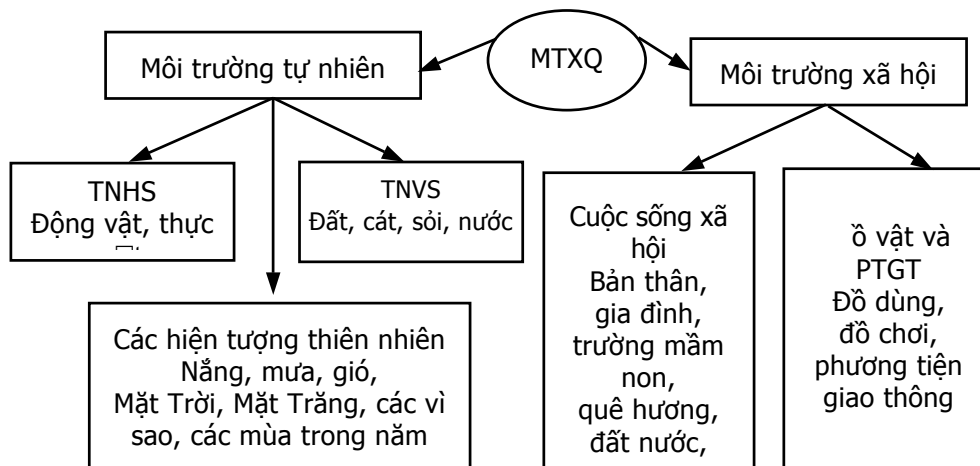
- Cấu trúc nội dung cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh
- Giới thiệu nội dung chương trình cho trẻ làm quen

Yêu cầu

Sau khi học xong chương 2 sinh viên cần:

- Nắm vững nội dung cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh ở các độ tuổi: nhà trẻ, mẫu giáo bé, mẫu giáo nhỡ và mẫu giáo lớn.
- Nắm vững nội dung chương trình "Cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh" ở trường mầm non.
- Biết vận dụng nội dung cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh ở từng độ tuổi vào việc xác định nội dung cụ thể của một số đề tài cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh ở các độ tuổi.
- Biết phân tích và chứng minh tính khoa học, tính đồng tâm và phát triển của chương trình.

I. CẤU TRÚC NỘI DUNG CHO TRẺ LÀM QUEN VỚI MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH



Ghi chú: TNHS – thiên nhiên hữu sinh, TNVS – thiên nhiên vô sinh, PTGT – phương tiện giao thông.

II. NỘI DUNG CHO TRẺ LÀM QUEN VỚI MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH Ở TỪNG LỨA TUỔI

1. Lứa tuổi nhà trẻ

Nội dung	3 - 12 tháng	12 - 24 tháng	24 - 36 tháng
Bản thân	Dạy trẻ nhận biết tên của mình và tên của một số bộ phận: mắt, mũi, miệng.	Dạy trẻ nhận biết, gọi tên của mình, tên và chức năng chính của một số bộ phận trên cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	Dạy trẻ nhận biết và gọi tên mình, kể về chức năng, 1 - 2 đặc điểm đặc trưng nhất của bản thân (béo, gầy...) và của các bộ phận trên cơ thể. (Ví dụ: mắt để nhìn, mắt màu đen...)
Gia đình	Dạy trẻ chỉ được vào người thân qua tên gọi. Biết biểu lộ cảm xúc với bố, mẹ, ông, bà, anh, chị.	Dạy trẻ nhận biết, gọi tên những người thân trong gia đình. Biết thể hiện cảm xúc đa dạng với những người gần gũi.	Dạy trẻ nhận biết, gọi tên những người thân và những người họ hàng gần gũi. Nhận biết đặc điểm nổi bật về hình dáng bên ngoài, công việc của người thân (Ví dụ: Bố cao, to; mẹ xinh, tóc dài, mẹ nấu ăn). Nhận biết thái độ của những người thân; biết thể hiện cảm xúc của mình trong một vài tình huống tiêu biểu.
Trường mầm non	Dạy trẻ nhận ra cô giáo	Dạy trẻ nhận biết và gọi tên cô giáo, các bạn. Thích nghi với chế độ sinh hoạt trong trường mầm non.	Dạy trẻ nhận biết và gọi tên cô giáo, các bạn trong lớp. Biết 1 - 2 hoạt động chính của cô và các bạn. Biết tên của cô hiệu trưởng, hiệu phó và bác sỹ trong trường mầm non. Yêu quý bạn, không tranh giành đồ chơi với các bạn. Nghe lời cô.
Đồ vật	Dạy trẻ nhận ra một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc (bát, thìa, cốc, búp bê, bóng ...) qua tên gọi.	Nhận ra và gọi tên, nói được 1 - 2 đặc điểm nổi bật nhất (màu sắc, hình dạng hoặc kích thước...) của một số đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông gần gũi.	Gọi tên và nói được chức năng chính, một vài đặc điểm rõ nét của một số đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông quen thuộc. Biết sử dụng đồ dùng, đồ chơi đúng theo chức năng chính.
Động vật, thực vật	Nhận ra một số con vật (gà, mèo, chó), hoa, quả, cây cối gần gũi xung quanh qua tên gọi.	Nhận ra và gọi được tên, nói được 1 - 2 đặc điểm nổi bật nhất (tiếng kêu, vận động ...) của một số con vật gần gũi; màu sắc, hình dạng của một vài cây cối, hoa, quả quen thuộc.	Gọi được tên và nói được công dụng, một vài đặc điểm rõ nét nhất của một số con vật, cây cối, hoa, quả gần gũi.

2. Lứa tuổi mẫu giáo

Nội dung	Mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi)	Mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi)	Mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi)
Bản thân	Dạy trẻ nhận biết tên, tuổi, giới tính và một số bộ phận trên cơ thể người thông qua tên gọi, số lượng, chức năng của chúng. Biết nhận xét một vài đặc điểm rõ nét nhất về hình dáng bên ngoài của mình và của các bạn (Mặc váy hồng, tóc đen buộc nơ, gầy, béo...)	Dạy trẻ biết danh tính (họ, tên, tuổi, tên đệm), giới tính của mình. Nhận xét tên gọi, vị trí, cấu tạo ngoài, số lượng, chức năng, cách giữ gìn, bảo vệ các bộ phận trên cơ thể. Bước đầu biết giải thích sự phù hợp của cấu tạo các bộ phận với chức năng của chúng (Ví dụ: mắt có lông mày, lông mi để ngăn mồ hôi, ngăn bụi; mí mắt để chớp cho khỏi mỏi mắt, để nhắm mắt khi đi ngủ...). Phân biệt chức năng, cấu tạo, tính chất của các giác quan, bộ phận chính ở người và động vật. So sánh biểu hiện của mình với biểu hiện của người lớn và động vật. Dạy trẻ thể hiện tình cảm bằng nét mặt, cử chỉ, lời nói, nhận biết vị trí của mình, có ý thức thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của bản thân.	Tiếp tục nhận biết danh tính, sự phù hợp của cách ăn mặc và các hoạt động với giới tính; đặc điểm của các bộ phận, các giác quan và cách giữ gìn bảo vệ chúng. Tiếp tục nhận xét sự phù hợp của cấu tạo các bộ phận với chức năng của chúng (Khuyết tay để tay dễ dàng co duỗi, cầm nắm, đưa thức ăn vào miệng...)
	Biết thể hiện cảm xúc theo nhiều cách khác nhau bằng nét mặt, cử chỉ. Cho trẻ biết sự cần thiết phải giữ gìn, bảo vệ cơ thể. Biết một số cách vệ sinh cơ thể (Rửa mặt, đánh răng, rửa chân tay...). Dạy trẻ biết nhu cầu cơ bản của bản thân (Ăn, uống, ngủ, được yêu thương).	Dạy trẻ nhận biết tình cảm, suy nghĩ, kỹ năng hành động của mình. Dạy trẻ thể hiện tình cảm và biết làm chủ cảm xúc của mình; giáo dục trẻ có thái độ đồng cảm với người khuyết tật. Hình thành biểu tượng về phẩm chất đặc biệt của con người, đó là năng lực, suy nghĩ, sáng tạo.	
Gia đình	Dạy trẻ nhận biết nhu cầu, sở thích, hứng thú của bản thân và thực hiện các hành động để thoả mãn chúng. Dạy trẻ nhận xét tên gọi, vị trí, mối quan hệ của các thành viên trong gia đình của mình và gia đình của các bạn. Biết địa chỉ, số điện thoại của gia đình mình. Biết nhu cầu sinh hoạt, sở thích, thói quen của gia đình và các thành viên; các hoạt động chung của gia đình và nghề nghiệp của bố mẹ (mẫu giáo bé biết tên nghề, mẫu giáo nhỡ và mẫu giáo lớn biết tên và một vài dấu hiệu của nghề).		

Nội dung	Mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi)	Mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi)	Mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi)
Gia đình		Biết quy mô gia đình, thế nào là gia đình đông con, ít con và gia đình mở rộng. Cho trẻ biết ngôi nhà là nơi gia đình sinh sống, biết một vài kiểu nhà, sự cần thiết phải có nhà ở, các nguyên vật liệu làm ra nhà, các nghề nghiệp làm ra nhà, các công việc để giữ gìn ngôi nhà.	Biết gia đình nên có từ 1 đến 2 con để bố mẹ đỡ vất vả và có thời gian chăm sóc, dạy dỗ con cái. Cho trẻ làm quen với những người họ hàng để thấy được mối quan hệ huyết thống giữa những người cùng họ. Giáo dục tình cảm, nghĩa vụ của trẻ đối với gia đình và họ hàng.
Trường mầm non	Dạy trẻ biết tên, địa chỉ của trường mầm non. Biết môi trường vật chất trong trường: Có tường bao, sân chơi, các lớp học, phòng bảo vệ, nhà bếp, vườn trường, các phương tiện, dụng cụ ở trong đó. Biết tên những người lớn trong trường mầm non. Giáo dục trẻ kính yêu, lễ phép và giúp đỡ người lớn. Cho trẻ biết trong trường có nhiều trẻ em, bạn bè, các em nhỏ.	Biết công việc, ý nghĩa công việc của những người lớn. Biết trong trường có các bạn trai và bạn gái, mối quan hệ giữa các bạn. Biết vị trí, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình. Biết các hoạt động chính ở trường mầm non. Tích cực tham gia vào các hoạt động đó.	Cho trẻ làm quen với trường tiểu học: cơ sở vật chất; hoạt động của giáo viên và học sinh trong trường tiểu học; đồ dùng của học sinh tiểu học. Giáo dục trẻ yêu quý trường tiểu học, thích đi học.

Nội dung	Mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi)	Mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi)	Mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi)
Nghề nghiệp	Dạy trẻ biết tên, trang phục, công việc, sản phẩm chính của một số nghề: nghề nghiệp của bố mẹ trẻ; của những người lớn trong trường mầm non.	Dạy trẻ biết tên, trang phục, công việc chính, sản phẩm và ý nghĩa xã hội của một số nghề nghiệp phổ biến ở địa phương.	Dạy trẻ biết tên, các dấu hiệu đặc trưng: trang phục, nơi làm việc, công việc, dụng cụ, thái độ làm việc (tính cách đặc trưng), sản phẩm, ý nghĩa xã hội của một số nghề nghiệp phổ biến trong xã hội. Cho trẻ biết sự hình thành các nghề trong xã hội; mối quan hệ giữa các nghề thông qua công việc, dụng cụ, sản phẩm của các nghề đó. Dạy trẻ phân nhóm dụng cụ, sản phẩm theo nghề.
			Giáo dục trẻ trân trọng sản phẩm lao động của các nghề, có ước muốn trở thành những người lao động có ích cho xã hội.
Quê hương, đất nước, Bác Hồ	Dạy trẻ biết tên phố, tên làng, tên khu tập thể nơi gia đình sinh sống. Nhận ra một số công trình công cộng phổ biến: chợ, cửa hàng, đường giao thông, công viên.	Tiếp tục cho trẻ biết tên phố, tên làng, biết tên và ý nghĩa xã hội của các công trình công cộng, các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh ở địa phương (phố, phường) nơi gia đình sinh sống. Dạy trẻ biết tên những người hàng xóm, mối quan hệ giữa họ với nhau.	Tiếp tục nhận biết về các công trình công cộng ở địa phương (huyện, thành phố), biết nghề nghiệp truyền thống, người, vật nổi tiếng ở địa phương. Cho trẻ làm quen với tên thành phố lớn, danh lam thắng cảnh, công trình xây dựng lớn, di tích lịch sử ở tỉnh của mình.
			Giáo dục trẻ yêu mến, tự hào về quê hương của mình, có ý thức giữ gìn, bảo vệ các công trình công cộng ở địa phương. Cho trẻ làm quen với những ngày lễ hội lớn của đất nước, giáo dục trẻ lòng tự hào, yêu mến đất nước của mình.
Quê hương, đất nước, Bác Hồ	Dạy trẻ biết tên đất nước mình.	Dạy trẻ biết tên nước, tên thủ đô và một vài thành phố lớn	Dạy trẻ biết tên, vị trí của đất nước mình trên bản đồ, thủ đô, các thành phố lớn và các công trình văn hoá. Cho trẻ biết một số biểu tượng của đất nước

Nội dung	Mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi)	Mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi)	Mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi)
	Dạy trẻ nhận ra Bác Hồ trong tranh ảnh.	Dạy trẻ biết Bác Hồ là chủ tịch, lãnh tụ nước Việt Nam ta; Bác Hồ rất yêu thương quan tâm đến trẻ em.	mình như cờ, quốc ca, quốc huy. Dạy trẻ nhận ra những loại thực vật, động vật đặc trưng của đất nước; làm quen với âm nhạc, các thể loại văn hoá dân gian truyền thống, các công trình hội hoạ, kiến trúc nổi tiếng, các trò chơi dân gian. Cho trẻ làm quen với tên của các nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ, hoạ sĩ nổi tiếng, những anh hùng dân tộc xưa và nay. Cho biết phẩm chất đặc trưng của dân tộc mình là dũng cảm, gan dạ, cần cù. Biết một vài dân tộc sống trên đất nước. Cho trẻ biết Bác Hồ là ai, ngày sinh của Bác, vị trí làng Bác. Cho trẻ biết khi còn sống Bác đã làm rất nhiều công việc để lãnh đạo nhân dân chiến đấu, sản xuất, xây dựng. Bác rất yêu thương trẻ em, quan tâm đến mọi người và rất yêu thiên nhiên. Cho trẻ biết các bài hát, bài thơ, câu chuyện về Bác Hồ.
Giáo dục trẻ kính yêu Bác Hồ, tích cực làm nhiều việc tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy.			

Nội dung	Mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi)	Mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi)	Mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi)
Các hành tinh và các dân tộc trên thế giới.	Dạy trẻ nhận ra một số người nước ngoài. Có thái độ tôn trọng họ.		Cho trẻ làm quen với "biểu tượng" Trái Đất; biết Trái Đất tròn. Cho trẻ tiếp xúc với quả địa cầu và bản đồ tự nhiên. Cho trẻ biết các màu cơ bản trên bản đồ, các đại dương, châu lục trên Trái Đất. Biết Trái Đất quay trong mối quan hệ với Mặt Trời, từ đó giải thích vì sao có ngày và đêm, có mùa nóng và mùa lạnh. Cho trẻ biết các chủng người có mặt trên hành tinh, sự khác nhau qua màu da, màu tóc và màu mắt; sự giống nhau về cấu tạo cơ thể, tình cảm, suy nghĩ và óc sáng tạo. Giáo dục trẻ thái độ tôn trọng họ. Cho trẻ biết tên một số quốc gia gần gũi thân thiện, sự khác nhau của các quốc gia, mối quan hệ của các quốc gia đó. Cho trẻ làm quen với bản đồ chính trị, cho trẻ biết trong một quốc gia cũng có nhiều dân tộc. Cho trẻ biết một số bài hát, điệu múa, trò chơi, truyện cổ tích của một vài dân tộc trên thế giới.
Đồ vật	Cho trẻ biết tên gọi, màu sắc, một số bộ phận, hình dạng, công dụng chính, cách sử dụng của một số đồ dùng, đồ chơi gần gũi (đồ dùng, đồ chơi ở lớp mẫu giáo; đồ dùng gia đình, đồ dùng cá nhân).	Tiếp tục dạy trẻ nhận biết đặc điểm đặc trưng của đồ dùng, đồ chơi và một số dụng cụ lao động đơn giản, nhận biết sự đa dạng, phong phú về chất liệu, hình dạng, công dụng của chúng, dạy trẻ giải thích sự phù hợp của cấu tạo đồ vật với chức năng và cách sử dụng chúng. Cho trẻ biết chức năng của đồ dùng. Mỗi đồ dùng có chức năng chính nhưng có thể có những chức năng sử dụng khác ở các tình huống khác	Tiếp tục dạy trẻ nhận biết đặc điểm đặc trưng của đồ dùng, đồ chơi, dụng cụ, sản phẩm lao động; sự phong phú, đa dạng của chúng, mối quan hệ giữa cấu tạo và cách sử dụng. Dạy trẻ nhận biết tính chất của chất liệu đồ vật. Tìm các chức năng khác nhau của đồ dùng, đồ chơi. Cho trẻ biết "quá khứ", "hiện tại" và "tương lai" của một số đồ dùng.

Nội dung	Mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi)	Mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi)	Mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi)
Đồ vật	Dạy trẻ nhận biết tên gọi, một số bộ phận đặc trưng, tốc độ, tiếng kêu, công dụng, môi trường hoạt động của một số phương tiện giao thông gần gũi. Dạy trẻ phân biệt đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông qua một số dấu hiệu khác nhau rõ nét của chúng.	nhau (Bát để ăn cơm nhưng cũng có thể dùng múc nước, uống nước, cắm hoa...) Tiếp tục dạy trẻ nhận biết đặc điểm đặc trưng của các phương tiện giao thông phổ biến. Bước đầu dạy trẻ giải thích sự phù hợp cấu tạo của phương tiện giao thông với chức năng và cách sử dụng chúng. Dạy trẻ so sánh sự khác và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông; bước đầu biết phân nhóm đồ dùng, đồ chơi theo công dụng và chất liệu.	Tiếp tục dạy trẻ nhận biết đặc điểm của các phương tiện giao thông, biết tên bến đỗ, người điều khiển phương tiện giao thông. Dạy trẻ so sánh đặc điểm khác và giống nhau của 2 hoặc nhiều đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông. Phân nhóm đồ dùng, đồ chơi theo công dụng, chất liệu, tính chất, cách sử dụng... Phân nhóm phương tiện giao thông theo nơi hoạt động, số lượng bánh, cách điều khiển, công dụng....
	Giáo dục trẻ yêu quý, giữ gìn vệ sinh, bảo quản đồ chơi, đồ dùng, có hành vi văn hoá, văn minh khi sử dụng đồ dùng, đồ chơi và phương tiện giao thông.		
Động vật	Dạy trẻ nhận biết tên gọi, màu sắc, một số bộ phận đặc trưng và chức năng của chúng, tiếng kêu, vận động chính, thức ăn, sinh sản, nơi sống, công dụng của một số động vật gần gũi, quen thuộc (động vật nuôi: cá, chim...)	Tiếp tục nhận biết đặc điểm đặc trưng của động vật (động vật nuôi; động vật sống trong rừng; động vật dưới nước). Dạy trẻ khám phá sự phù hợp giữa cấu tạo của động vật với vận động và tập tính của chúng. Nhận biết sự đa dạng, phong phú của chúng.	Tiếp tục nhận biết đặc điểm đặc trưng của các loại động vật phổ biến. Dạy trẻ khám phá mối liên hệ giữa cấu tạo của động vật với vận động, cách kiếm ăn, môi trường sống; mối liên hệ giữa động vật với nhau và với con người; sự phát triển, trưởng thành của một số loài động vật. Cho trẻ biết động vật sống ở khắp nơi trên Trái Đất; các loài động vật đặc trưng cho từng vùng miền.

Nội dung	Mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi)	Mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi)	Mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi)
Động vật	Cho trẻ biết nhu cầu của động vật: cần có nơi ở, có thức ăn, nước uống, cần chăm sóc khi ốm đau.		
		Cho trẻ biết động vật cũng biết vui buồn, biết biểu lộ tình cảm, biết phản ứng mạnh mẽ với các điều kiện môi trường.	
	Dạy trẻ phân biệt đặc điểm khác nhau rõ nét của một số vật nuôi hoặc so sánh đơn giản 2 con vật với nhau.	Dạy trẻ so sánh đặc điểm khác và giống nhau của 2 con vật.	Dạy trẻ so sánh đặc điểm khác và giống nhau của 2 hoặc nhiều con vật cùng loài hoặc khác loài. Phân nhóm động vật theo các dấu hiệu đặc trưng: thức ăn, sinh sản, môi trường sống, cấu tạo ngoài...
	Giáo dục trẻ yêu quý, thích chơi với các con vật gần gũi.	Dạy trẻ cách thức biểu lộ tình cảm, chăm sóc, bảo vệ những con vật gần gũi. Giáo dục ý thức tự giác bảo vệ, chăm sóc vật nuôi.	
Thực vật	Dạy trẻ nhận biết, khám phá một vài đặc điểm đặc trưng của các cây, rau, hoa, quả gần gũi: các bộ phận, màu sắc, cấu tạo, công dụng và nơi sống, mùi (Hoa), vị (Quả), cách ăn (Quả), cách chế biến (Rau). Cho trẻ biết sự đa dạng, phong phú của chúng. Dạy trẻ phân biệt sự khác nhau rõ nét của cây, hoa, quả hoặc so sánh đơn giản 2 loại thực vật với nhau. Giáo dục trẻ yêu thích các loại cây, hoa, quả. Thích ăn các loại rau, quả.	Tiếp tục dạy trẻ khám phá đặc điểm đặc trưng của các loại thực vật, sự phong phú, đa dạng của chúng. Cho trẻ biết nhu cầu của thực vật: cần nước, đất, ánh sáng. Dạy trẻ so sánh đặc điểm khác và giống nhau của 2 loại cây, hoa, quả, rau. Bước đầu biết phân nhóm một số loại thực vật theo các dấu hiệu tiêu biểu.	Tiếp tục cho trẻ khám phá đặc điểm, dấu hiệu đặc trưng của thực vật; sự phong phú, đa dạng, mối quan hệ giữa thực vật với các điều kiện môi trường, với động vật và con người, sự sinh trưởng (bằng hạt, bằng cành, bằng rễ, bằng lá); sự phát triển, sự thay đổi của thực vật theo mùa, quá trình trồng và chăm sóc, bảo vệ cây. Cho trẻ biết có nhiều loại cây sinh sống ở nhiều vùng miền; giải thích sự thích nghi của thực vật với khí hậu, môi trường sống. Dạy trẻ so sánh các đặc điểm khác và giống nhau của 2 hoặc nhiều đối tượng. Phân nhóm cây, rau, hoa, quả theo một hoặc nhiều dấu hiệu.
		Giáo dục trẻ yêu quý, tự giác giữ gìn, bảo vệ cây, biết giúp đỡ người lớn chăm sóc cây cối.	
Thiên nhiên vô sinh và các hiện	Dạy trẻ nhận biết tên, khám phá một vài đặc điểm đơn giản rõ nét của một số nguyên liệu thiên nhiên vô sinh gần gũi: nước, cát. Ví	Dạy trẻ nhận biết khám phá đặc điểm đặc trưng của một số nguyên liệu thiên nhiên vô sinh như đất, cát, nước, sỏi, đá.	Tiếp tục cho trẻ khám phá đặc điểm, tính chất của các nguyên liệu thiên nhiên vô sinh phổ biến: đất, cát, sỏi, đá, nước,

Nội dung	Mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi)	Mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi)	Mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi)
tượng thiên nhiên	dụ: Nước không màu, không mùi, không vị, có thể hoà tan đường, muối, chanh.	Dạy trẻ so sánh đặc điểm khác và giống nhau của 2 loại nguyên liệu.	không khí, ánh sáng. Cho trẻ so sánh đặc điểm khác và giống nhau của 2 hay nhiều loại nguyên liệu.
	Dạy trẻ nhận biết ích lợi và tác hại của thiên nhiên vô sinh với con người, động vật, thực vật và môi trường. Từ đó giáo dục trẻ có ý thức giữ gìn, bảo vệ thiên nhiên vô sinh, chống lại sự lãng phí và sự ô nhiễm.		
		Cho trẻ tìm hiểu mối quan hệ và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa thiên nhiên vô sinh với nhau, với tác động của con người và môi trường.	
	Dạy trẻ nhận ra và gọi tên các hiện tượng thiên nhiên phổ biến ở địa phương: mưa, gió, nắng, mặt trời, mặt trăng, các vì sao, ngày và đêm. Gọi tên được 1 - 2 dấu hiệu đặc trưng nhất của chúng.	Tiếp tục cho trẻ tìm hiểu đặc điểm đặc trưng rõ nét của các hiện tượng thiên nhiên phổ biến ở địa phương, mở rộng hiểu biết về một vài hiện tượng khác như bão, sấm, chớp, giông... Cho trẻ phát hiện các hiện tượng thiên nhiên đặc trưng theo mùa. So sánh đặc điểm khác và giống nhau rõ nét của 2 mùa; của ngày và đêm.	Tiếp tục tìm hiểu đặc điểm, dấu hiệu rõ nét của các hiện tượng thiên nhiên phổ biến ở Việt Nam và trên thế giới. Trẻ biết phân nhóm các hiện tượng thiên nhiên và thời tiết theo mùa. Biết các hiện tượng thời tiết phổ biến ở một số vùng miền ở Việt Nam và trên thế giới.
	Cho trẻ biết ảnh hưởng của thời tiết đến sinh hoạt (ăn, mặc) của con người.	Tiếp tục cho trẻ biết ảnh hưởng của thời tiết, các hiện tượng thiên nhiên đến sinh hoạt của con người, đến đời sống của động, thực vật và môi trường.	Cho trẻ khám phá mối quan hệ của thời tiết, các hiện tượng thiên nhiên đến các hoạt động của con người.
	Giáo dục trẻ có sinh hoạt phù hợp với mùa, với thời tiết, khí hậu và các hiện tượng thiên nhiên.		

III. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình chăm sóc - giáo dục trẻ (cải cách)

1.1. Lứa tuổi nhà trẻ

Trong chương trình chăm sóc - giáo dục trẻ từ 3 đến 36 tháng (đã chỉnh lý) nội dung cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh chủ yếu được đưa vào phần phát triển ngôn ngữ. Ngoài ra trong các phần: rèn luyện giác quan và hoạt động với đồ vật cũng có một số nội dung cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh. Mục đích chính của các phần nêu trên là phát triển ngôn ngữ, rèn luyện các giác quan cho trẻ. Mục đích cho trẻ nhận biết các sự vật, hiện tượng xung quanh được thực hiện phối

hợp với mục đích phát triển ngôn ngữ. Trẻ lứa tuổi nhà trẻ được làm quen với môi trường xung quanh trong các chủ đề sau:

- + Những người thân trong gia đình.
- + Đồ dùng trong gia đình.
- + Các loại hoa.
- + Các loại quả.
- + Các loại rau.
- + Các con vật.
- + Các phương tiện giao thông.

Mỗi chủ đề trẻ được làm quen với 4 đến 5 đối tượng, tùy theo độ tuổi mà giáo viên cho trẻ biết tên, công dụng và một vài đặc điểm rõ nét của đối tượng. Nội dung của nhận biết tập nói trong từng giai đoạn không liên quan đến nội dung của các lĩnh vực khác. Chương trình cũng đưa ra phần hướng dẫn thực hiện các nội dung trên. Cụ thể là:

- + Sinh hoạt hằng ngày, gồm có các thời điểm: đón trẻ, vệ sinh, ăn, ngủ, trả trẻ.
- + Hoạt động chơi: các trò chơi vận động đơn giản, chơi với đồ chơi, chơi xếp hình, xâu hạt; chơi nhận biết phân biệt.
- + Hoạt động dạo chơi ngoài trời.
- + Giờ chơi - tập nhận biết và tập nói. Các giờ chơi tập ở nhà trẻ được tiến hành theo chủ đề.

Mỗi chủ đề thường dạy cho trẻ hai loại bài:

- * Loại thứ nhất: Làm quen với từng đối tượng riêng lẻ.
- * Loại thứ hai: Làm quen với 2 đến 3 đối tượng và cho trẻ tập phân biệt đặc điểm khác nhau rõ nét.

Đối với giờ chơi tập nhận biết tập nói ở nhà trẻ, chương trình (1989) chỉ đưa ra các định hướng, không có hướng dẫn cụ thể từng loại bài.

1.2. Lứa tuổi mẫu giáo

Chương trình chăm sóc và giáo dục trẻ mẫu giáo chia ra theo 3 độ tuổi: mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi), mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi), mẫu giáo lớn (5- 6 tuổi). Trong chương trình mẫu giáo, làm quen với môi trường xung quanh được đưa vào như một lĩnh vực độc lập. Ở chương trình của cả 3 độ tuổi đều có yêu cầu, nội dung cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh; phân phối chương trình theo từng giai đoạn và phần hướng dẫn thực hiện.

Nội dung cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh ở 3 độ tuổi bao gồm:

- + Làm quen với môi trường xã hội: Những người gần gũi và lao động của họ; đồ vật; phương tiện giao thông.
- + Làm quen với môi trường thiên nhiên: Thế giới thực vật; thế giới động vật; một số hiện tượng thiên nhiên.

Các nội dung chính trong chương trình của từng độ tuổi về cơ bản là không thay đổi; chỉ có những nội dung cụ thể mới có sự mở rộng và bổ sung từ lứa tuổi này sang lứa tuổi khác. Nội dung

cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh trong chương trình cải cách tương đối phong phú, nhưng chưa thật đầy đủ. Các nội dung cho trẻ làm quen với thiên nhiên vô sinh (đất, cát, nước...) và các hiện tượng thiên nhiên cụ thể (gió, mưa, nắng...) còn rất mờ nhạt. Ở mẫu giáo, các nội dung cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh được thực hiện ở hai nhóm hình thức cơ bản, đó là các hình thức ngoài tiết học và tiết học. Chương trình cải cách có đưa ra hướng dẫn thực hiện các hình thức ngoài tiết học, nhưng gợi ý cụ thể lại chỉ tập trung cho các tiết học. Mỗi tiết học làm quen với môi trường xung quanh đều có gợi ý về yêu cầu, chuẩn bị đồ dùng trực quan và hướng dẫn thực hiện. Nhờ có những gợi ý cụ thể nên việc thực hiện chương trình đối với giáo viên là tương đối dễ dàng, thuận lợi. Song cũng chính những gợi ý đó làm cho việc thực hiện chương trình rất cứng nhắc, rập khuôn, hạn chế khả năng sáng tạo của giáo viên. Nội dung của các tiết học trong từng giai đoạn không liên quan đến nội dung của các lĩnh vực khác. Nội dung của các tiết học ở 3 độ tuổi mẫu giáo như sau:

	Mẫu giáo bé	Mẫu giáo nhỡ	Mẫu giáo lớn
Môi trường xã hội	1. Đồ chơi của lớp 2. Quần áo và đồ dùng của bé 3. Một số phương tiện giao thông (đường bộ và đường sắt) 4. Một số phương tiện giao thông (đường thủy và đường hàng không)	1. Lao động của người lớn trong trường mầm non 2. Một số đồ dùng gia đình 3. Nghề nghiệp của bố mẹ 4. Phân nhóm đồ vật 5. Một số phương tiện giao thông 6. Bác Hồ của chúng em 7. Quần áo của bé 8. Một số luật lệ giao thông	1. Trường lớp mẫu giáo của cháu 2. Gia đình của cháu 3. Đồ dùng gia đình 4. Phân nhóm đồ dùng 5. Thăm cánh đồng lúa (công viên) 6. Bác thợ may 7. Một số nghề nghiệp phổ biến trong xã hội 8. Thủ đô Hà Nội 9. Bác Hồ 10. Trường tiểu học 11. Các loại phương tiện giao thông 12. Một số luật lệ giao thông phổ biến 13. Bác nông dân 14. Nghề nghiệp truyền thống ở địa phương 15. Chú bộ đội 16. Chú công nhân 17. Bác đưa thư 18. Cô bán hàng 19. Phân nhóm phương tiện giao thông
Môi trường xã hội	5. Quan sát cây 6. Một số loại hoa 7. Một số loại quả 7. Một số loại rau 9. Quan sát con cá	9. Phân biệt 2 - 3 loại cây 10. Phân biệt 2 - 3 loại cá 11. Một số vật nuôi (gia cầm) 12. Một số vật nuôi (gia súc) 14. Một số vật nuôi	20. Hoa và cây cảnh 21. Một số loại quả 22. Một số loại rau 23. Quá trình phát triển của cây

Môi trường thiên nhiên	10. Một số vật nuôi (gia cầm) 11. Một số vật nuôi (gia súc) 12. Một số con vật sống trong rừng 13. Quan sát con chim	15. Một số cây cảnh 16. Một số loại rau 17. Phân biệt 2 - 3 loài chim 18. Một số loại hoa 19. Một số loại quả 20. Một số con vật sống trong rừng 21. Một số côn trùng 22. Mùa đông 23. Mùa hè	24. Cây xanh và môi trường sống 25. Một số vật nuôi trong gia đình 26. Một số vật nuôi (gia cầm) 27. Một số động vật dưới nước 28. Một số vật nuôi (gia súc) 29. Một số côn trùng 30. Một số động vật sống trong rừng 31. Động vật sống ở khắp nơi 32. Thứ tự các mùa trong năm 33. Mặt Trời, Mặt Trăng và các vì sao.
-------------------------------	---	---	---

2. Chương trình chăm sóc và giáo dục trẻ (theo nội dung đổi mới hình thức, tổ chức hoạt động giáo dục trẻ)

2.1. Lứa tuổi nhà trẻ

Chương trình dành cho lứa tuổi nhà trẻ được chia làm 2 tập:

- Tập 1: 3 - 18 tháng (1995)
- Tập 2: 18 - 36 tháng (2000)

Nội dung cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh được thực hiện trong phần hoạt động với đồ vật và phát triển ngôn ngữ, cụ thể là nhận biết tập nói. Nội dung làm quen với môi trường xung quanh không thay đổi so với chương trình cũ (1989), nhưng phân phối nội dung thì có thay đổi. Chương trình hướng dẫn thực hiện các nội dung theo tuần. Nội dung của các hoạt động tập luyện có chủ đích và sinh hoạt, vui chơi trong tuần đều hướng tới một chủ đề cụ thể. Các hoạt động tập luyện có chủ đích như nhận biết tập nói và nhận biết phân biệt đều có gợi ý về cách thực hiện.

2.2. Lứa tuổi mẫu giáo

Chương trình của từng độ tuổi mẫu giáo theo hướng đổi mới được xuất bản chính thức năm 2003.

Chương trình mẫu giáo bé và nhỡ gồm có 3 phần:

Phần 1: Những vấn đề chung.

Phần 2: Giới thiệu các chủ đề.

Phần 3: Đánh giá.

Nội dung cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh gồm 5 chủ đề lớn: bản thân; gia đình; môi trường xã hội; môi trường tự nhiên và dinh dưỡng sức khỏe, trong đó chủ đề thứ năm được lồng ghép trong 4 chủ đề trên. Mỗi chủ đề lớn lại gồm nhiều chủ đề con. Mỗi chủ đề, chương trình đều có

phần hướng dẫn chung, trong đó nêu rõ mục tiêu, mạng chủ đề chung, mạng hoạt động và phần hướng dẫn triển khai chủ đề. Chương trình gợi ý thực hiện các chủ đề con trong chủ đề lớn.

Chương trình của mẫu giáo lớn có cấu trúc hơi khác so với chương trình của mẫu giáo bé và mẫu giáo nhỏ:

Phần 1: Mục tiêu, nội dung chăm sóc.

Phần 2: Hướng dẫn chế độ sinh hoạt (Trong phần này có nêu một số nguyên tắc thực hiện nội dung làm quen với môi trường xung quanh).

Phần 3: Gợi ý thực hiện các chủ đề.

Phần 4: Đánh giá trẻ.

Nội dung cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh gồm 8 chủ đề: trường lớp mầm non; gia đình; một số ngành nghề; thế giới động vật; Tết và mùa xuân; thế giới thực vật; phương tiện và luật lệ giao thông; quê hương - đất nước - trường tiểu học. Mỗi chủ đề đều có gợi ý về yêu cầu, các nội dung chính liên quan đến chủ đề, kế hoạch hoạt động và gợi ý cụ thể một hoạt động chung.

Ở chương trình đổi mới nội dung của từng chủ đề được thực hiện chủ yếu trong các hoạt động làm quen với môi trường xung quanh và các hoạt động thuộc các lĩnh vực khác (làm quen với văn học, chữ cái, tạo hình, âm nhạc...) trong một khoảng thời gian nhất định (từ 3 - 5 tuần). So với chương trình cải cách, nội dung cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh đã phong phú và đầy đủ hơn. Việc xây dựng nội dung và các hoạt động cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh trong chương trình mang tính mở, giúp cho việc thực hiện chương trình được mềm dẻo, linh hoạt, phù hợp với khả năng, trình độ của trẻ em và điều kiện, hoàn cảnh của từng vùng miền, phát huy tối đa tính sáng tạo của giáo viên.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Đọc kỹ bài giảng và tài liệu. Đối chiếu, bổ sung cho bài giảng.
- Đọc các tài liệu:
 - + Chương trình chăm sóc và giáo dục trẻ từ 3 - 36 tháng ở nhà trẻ (Chính lý) - Hà Nội 1989.
 - + Hướng dẫn và gợi ý thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ từ 3 - 36 tháng:
 - * Tập 1: 3 - 18 tháng. Hà Nội, 1995.
 - * Tập 2: 18 - 36 tháng. Hà Nội, 2000.
- Đọc kỹ các nội dung phát triển ngôn ngữ (Phần nhận biết tập và nói) và hoạt động với đồ vật.
 - + Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo và hướng dẫn thực hiện:
 - * Mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi). Hà Nội, 1996.
 - * Mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi). Hà Nội, 1996.
 - * Mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi). Hà Nội, 1996.
 - + Hướng dẫn thực hiện đổi mới hình thức tổ chức hoạt động giáo dục trẻ mẫu giáo 3 - 4 tuổi; 4-5 tuổi; 5 - 6 tuổi (Hà Nội, 2003).
- Đọc kỹ các nội dung làm quen với môi trường xung quanh. So sánh, đối chiếu các nội dung làm quen với môi trường xung quanh ở các độ tuổi với các nội dung làm quen với môi trường xung quanh trong giáo trình. Nhận xét xem những nội dung nào được đưa vào thực hiện trong chương trình, thực hiện ở mức độ nào và còn nội dung nào chưa được thực hiện. So sánh đối chiếu cụ thể từng nội dung (từng chủ đề) ở 3 độ tuổi để phân tích tính đồng tâm và phát triển của chương trình. So sánh chương trình cải cách và đổi mới.
- Đọc các nội dung cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh trong chương trình và giáo trình, bài giảng, so sánh với các nội dung đang thực hiện ở trường mầm non nơi anh (chị) công tác. Tìm ra những điểm khác nhau giữa yêu cầu của chương trình với thực tiễn, chỉ ra nguyên nhân của những mâu thuẫn đó.
- Khi làm các bài tập của chương này cần đọc kỹ các nội dung cụ thể ở từng lứa tuổi. Tùy từng đề tài có thể phải nghiên cứu 2 đến 3 nội dung mới có thể xác định các nội dung cụ thể của đề tài. Ví dụ: Đề tài - *Một số đồ dùng gia đình* (Mẫu giáo nhỡ) cần đọc nội dung "Gia đình" và "Đồ vật" ở mẫu giáo nhỡ.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Phân tích nội dung làm quen với môi trường xung quanh đối với trẻ nhà trẻ (3 - 36 tháng).
2. Phân tích nội dung làm quen với môi trường xung quanh trong các lứa tuổi: mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi); mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi); mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi).
3. Phân tích tính đồng tâm, tính phát triển của nội dung làm quen với môi trường xung quanh ở các lứa tuổi từ nhà trẻ đến mẫu giáo.
4. So sánh và cho ý kiến nhận xét về các nội dung cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh trong giáo trình, trong chương trình và trong thực tiễn của địa phương nơi chị (anh) công tác.
5. So sánh và cho ý kiến nhận xét về nội dung cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh và hướng dẫn thực hiện các nội dung đó ở hai chương trình cải cách và đổi mới. Phân tích ưu điểm và hạn chế của hai chương trình đó.
6. Xác định nội dung kiến thức, kỹ năng cần cung cấp và rèn luyện cho trẻ ở các đề tài sau:
 - a. Con cá vàng: nhà trẻ (24 - 36 tháng) và mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi).
 - b. Một số loại hoa: nhà trẻ (24 - 36 tháng); mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi); mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi).
 - c. Một số đồ dùng gia đình: nhà trẻ (18 - 24 tháng); nhà trẻ (24 - 36 tháng); mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi), mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi); mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi).
 - d. Các giác quan: nhà trẻ (18 - 24 tháng); nhà trẻ (24 - 36 tháng); mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi).
 - e. Nghề nghiệp của bố mẹ: mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi); mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi); mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi).
 - f. Nước: mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi); mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi); mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi).
 - g. Thiết kế tài liệu về đặc điểm, dấu hiệu đặc trưng của từng đối tượng thuộc các nội dung cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh: động vật, thực vật, thiên nhiên vô sinh, đồ vật, phương tiện giao thông, nghề nghiệp.

Chương 3

CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ BIỆN PHÁP CHO TRẺ LÀM QUEN VỚI MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH

- Nhóm trực quan
- Nhóm dùng lời nói
- Nhóm thực hành.

Yêu cầu

Sau khi học xong chương 3, sinh viên cần:

- Hiểu vững mục đích, ý nghĩa của các nhóm phương pháp và cách thức thực hiện từng phương pháp cụ thể.
- Biết vận dụng lý thuyết vào việc hướng dẫn các phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh với các nội dung cụ thể ở các lứa tuổi.

I. VÀI NÉT KHÁI QUÁT VỀ PHƯƠNG PHÁP VÀ BIỆN PHÁP CHO TRẺ LÀM QUEN VỚI MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH

Để giải quyết các mục đích của việc tổ chức cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh ở trường mầm non có thể sử dụng tất cả các phương pháp và biện pháp dạy học và giáo dục.

Phương pháp (Theo X. A. Kôzlôva) là hệ thống các cách thức làm việc kế tiếp nhau và có quan hệ mật thiết với nhau của giáo viên và trẻ em nhằm giải quyết các nhiệm vụ dạy học⁽⁹⁾.

Biện pháp dạy học là tổ hợp các cách thức làm việc cụ thể của cô và trẻ nhằm giải quyết một hoặc một phần nhiệm vụ dạy học.

Mỗi phương pháp đều chứa đựng các biện pháp nhất định của giáo viên và trẻ em. Biện pháp càng đa dạng bao nhiêu thì phương pháp chứa đựng các biện pháp đó càng hàm súc và hữu hiệu bấy nhiêu.

Có thể phân loại các phương pháp dạy học thành các nhóm theo các quan điểm và tiêu chí khác nhau. Mỗi cách phân loại đều có những ưu và nhược điểm nhất định. Một trong những cách phân loại hợp lý hơn cả đối với "Phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh" đó là cách phân

⁽⁹⁾ ấợốớợầ, ẹ. Ầ., ấứớớợầ, ề. Ầ. (2002), *Ấứớớợầỷớầỷ ừớầớợớầ, ề. ACADEMA.*

loại dựa vào nguồn kiến thức và đặc điểm tri giác thông tin. Theo cách phân loại này, phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh bao gồm 3 nhóm, cụ thể là:

+ Nhóm phương pháp trực quan: quan sát; sử dụng tranh, ảnh, mô hình, vật thật, băng hình; nêu gương, bắt chước các hành động văn hoá và hành vi văn minh.

+ Nhóm phương pháp dùng lời nói: đàm thoại; trò chuyện; giải thích, giảng giải; chỉ dẫn, giao nhiệm vụ; sử dụng chuyện, thơ, ca dao, tục ngữ, câu đố, bài hát.

+ Nhóm phương pháp thực hành: trò chơi; mô hình hoá; thí nghiệm; vẽ, nặn, xé dán và sưu tập tranh ảnh, làm tiêu bản.

Việc sử dụng các phương pháp nêu trên trong quá trình cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh hoàn toàn phù hợp với đặc điểm nhận thức của trẻ lứa tuổi mầm non, vì vậy có thể phát huy tính tự giác, tích cực, độc lập của trẻ dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Bên cạnh đó, việc tổ chức sử dụng các phương pháp từ trực quan đến dùng lời nói và sau đó thực hành là phù hợp với quy luật nhận thức và phù hợp với nguyên tắc dạy học từ cụ thể đến trừu tượng áp dụng cho trẻ nhỏ.

Mỗi phương pháp làm quen với môi trường xung quanh thường không sử dụng độc lập mà thường đi kèm với các phương pháp và biện pháp khác. Ví dụ: phương pháp quan sát thường đi kèm với phương pháp đàm thoại, hoặc phương pháp đàm thoại thường đi kèm với phương pháp sử dụng tranh, ảnh, mô hình v.v...

Khi sử dụng một phương pháp nào đó giáo viên vận dụng nhiều biện pháp khác nhau. Ví dụ: khi sử dụng phương pháp quan sát kết hợp với phương pháp đàm thoại giáo viên sử dụng các hành động như trò chơi, câu đố, so sánh, giải thích, chỉ dẫn và thí nghiệm nhỏ v.v... Một biện pháp có thể được sử dụng kết hợp với nhiều phương pháp. Ví dụ: các hành động chơi có thể được sử dụng với phương pháp quan sát, đàm thoại ...; giải thích, giảng giải có thể sử dụng với quan sát, đàm thoại, trò chơi, thí nghiệm thực nghiệm. Một phương pháp vừa có thể đóng vai trò là chính nó vừa có thể đóng vai trò như một biện pháp, phụ thuộc vào mục đích mà nó có thể giải quyết được.

Ví dụ: Kể chuyện nếu sử dụng ở ngoài tiết học nhằm mục đích tích lũy kiến thức về môi trường xung quanh cho trẻ thì nó là một phương pháp, nhưng nếu kể chuyện được sử dụng ở trên tiết học nhằm minh hoạ cho nội dung đàm thoại thì khi đó nó lại là một biện pháp.

Việc lựa chọn và phối hợp các phương pháp sao cho có hiệu quả phụ thuộc vào các yếu tố như: Yêu cầu, nội dung chương trình làm quen với môi trường xung quanh; mục đích của từng hình thức cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh; trình độ sư phạm của giáo viên; khả năng của trẻ và điều kiện, hoàn cảnh thực tế của trường mầm non.

II. CÁC NHÓM PHƯƠNG PHÁP VÀ BIỆN PHÁP CHO TRẺ LÀM QUEN VỚI MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH

1. Nhóm phương pháp và biện pháp trực quan

1.1. Mục đích, vị trí, ý nghĩa

1.1.1. Mục đích

- Hình thành, củng cố và làm chính xác biểu tượng của trẻ về các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Phát triển và rèn luyện năng lực cảm giác, tri giác và các thao tác trí tuệ.
- Giáo dục sự gần gũi, gắn bó với thiên nhiên và cuộc sống xung quanh.

1.1.2. Vị trí

Nhóm phương pháp và biện pháp trực quan là nhóm phương pháp quan trọng nhất và được coi là nhóm "phương pháp cơ sở" theo quy luật nhận thức "Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn" (V.I.Lênin). Phương pháp trực quan được sử dụng rộng rãi trong quá trình cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh từ nhà trẻ đến mẫu giáo vì nó phù hợp với đặc điểm nhận thức của trẻ mầm non.

1.1.3. Ý nghĩa

- Nhóm phương pháp và biện pháp trực quan góp phần to lớn vào việc rèn luyện và phát triển các cơ quan cảm giác và óc quan sát.

Trong quá trình tri giác với các sự vật, hiện tượng xung quanh, đặc biệt là khi quan sát vật thật trẻ được trải nghiệm một cách tích cực, được tiếp xúc với đối tượng bằng các giác quan, nhờ đó các cơ quan cảm giác của trẻ được rèn luyện và phát triển. Cũng chính trong quá trình quan sát các sự vật, hiện tượng xung quanh ở trẻ hình thành óc quan sát, khả năng phát hiện các đặc điểm, thuộc tính, mối liên hệ và sự phụ thuộc của sự vật, hiện tượng một cách nhanh nhạy, chính xác.

- Nhóm phương pháp và biện pháp trực quan góp phần rèn luyện và phát triển tư duy và tính ham hiểu biết. Trong quá trình tri giác, tiếp xúc với các sự vật, hiện tượng xung quanh trẻ phải tập trung vào các dấu hiệu tiêu biểu, rõ nét và cả các dấu hiệu "ẩn" của đối tượng. Khi tri giác nhiều đối tượng cùng một lúc trẻ có thể phân biệt các đặc điểm khác nhau và giống nhau của các đối tượng. Để có được kết quả phân biệt như vậy trẻ phải thực hiện một loạt các thao tác trí tuệ: phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hoá; đồng thời trẻ cũng phải tập trung chú ý cao độ. Việc phát hiện những điều mới, lạ thôi thúc, kích thích trẻ tìm tòi, khám phá những điều "bí ẩn", lý thú của sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Nhóm phương pháp và biện pháp trực quan góp phần phát triển, làm giàu vốn từ và phát triển ngôn ngữ. Khi tiếp xúc và nhận xét đặc điểm các đối tượng trực quan trẻ phải dùng từ để gọi tên đối tượng và đặc điểm của nó, vì vậy vốn từ của trẻ được mở rộng đáng kể. Đặc biệt ở trẻ mẫu giáo nhỏ và mẫu giáo lớn khi tiếp xúc với các sự vật, hiện tượng đa dạng, phong phú xung quanh trẻ còn hiểu và biết sử dụng những từ ngữ có hình ảnh, biết sử dụng ngôn ngữ mạch lạc để miêu tả đối tượng.

- Nhóm phương pháp trực quan góp phần giáo dục tình cảm yêu mến, gắn bó với thiên nhiên và cuộc sống xung quanh. Trong quá trình tiếp xúc với các sự vật, hiện tượng xung quanh trẻ cảm nhận được vẻ đẹp, sự đáng yêu, sự phong phú, đa dạng của cuộc sống xung quanh, đó là cơ sở nảy sinh xúc cảm và tình cảm tích cực ở trẻ. Trẻ thấy được giá trị của các sự vật, hiện tượng xung quanh, từ đó có ý thức giữ gìn, bảo vệ.

1.2. Hướng dẫn thực hiện các phương pháp và biện pháp

1.2.1. Quan sát

a) Khái niệm

Quan sát là quá trình nhận thức cảm tính tích cực, là sự tri giác một cách có mục đích, có kế hoạch, có tổ chức đảm bảo sự hình thành và phát triển ở trẻ những biểu tượng đúng đắn về tự nhiên và xã hội.

Trong quá trình quan sát giáo viên là người lập kế hoạch, định hướng và tổ chức quan sát còn trẻ tích cực quan sát, cụ thể là trẻ phải tập trung chú ý cao độ để tri giác, tư duy và sử dụng ngôn ngữ nhằm nhận biết chính xác đối tượng. Đây cũng chính là điểm khác nhau giữa quan sát và tri giác thông thường. Ở mức độ phát triển cao của mình quan sát được coi như một hoạt động nhận thức (theo B.U.Loginova, A.K. Matveeva và P.G. Xamarukova), khi đó trẻ tự xác định nhiệm vụ và cách thức quan sát. Loại quan sát này có thể xuất hiện ở cuối tuổi mầm non và là sản phẩm của sự phát triển lâu dài trong quá trình giáo dục và dạy trẻ một cách đặc biệt.

b) Mục đích

- Hình thành biểu tượng về các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Phát triển năng lực quan sát, tính ham hiểu biết.
- Giáo dục sự gần gũi, gắn bó với thiên nhiên và cuộc sống xung quanh.

c) Các loại quan sát

Trong quá trình làm quen với môi trường xung quanh, phương pháp quan sát là một trong những phương pháp được sử dụng rộng rãi nhất. Có thể phân loại quan sát dựa trên các dấu hiệu khác nhau. Việc phân loại quan sát giúp giáo viên lựa chọn loại quan sát phù hợp. Dưới đây là một số cách phân loại:

- Dựa vào đối tượng quan sát, ta có:

+ Quan sát vật thật: Đó là quan sát các đối tượng cụ thể như cây cối, hoa, quả, con vật, đồ vật,... Loại quan sát này có ưu thế hơn cả trong việc hình thành những biểu tượng mới, toàn diện về các sự vật xung quanh. Ngoài ra vật thật cũng dễ dàng gây được hứng thú và sự tập trung chú ý của trẻ. Giáo viên có điều kiện tổ chức cho trẻ tiếp xúc bằng các giác quan, trải nghiệm, phân biệt v.v... Cái khó ở đây là giáo viên phải chuẩn bị các đối tượng quan sát sinh động và hấp dẫn.

Với loại quan sát này giáo viên có thể cho trẻ quan sát một đối tượng hay nhiều đối tượng cùng một lúc.

Quan sát một đối tượng có thể áp dụng cho trẻ cả 3 độ tuổi nhằm hình thành biểu tượng, nhưng yêu cầu đối với mỗi độ tuổi có sự khác nhau.

Để phát triển hoạt động tư duy cho trẻ, ở mẫu giáo nhỡ có thể cho trẻ quan sát 2 đối tượng cùng một lúc, qua đó trẻ phát hiện các dấu hiệu giống và khác nhau của chúng. Mẫu giáo lớn có thể cho trẻ phát hiện đặc điểm giống và khác nhau của một đối tượng quan sát và một đối tượng không hiện diện ở trước mặt nhưng trẻ đã được làm quen.

+ Quan sát tranh, ảnh, mô hình, băng hình: Trong những trường hợp không thể chuẩn bị hoặc tổ chức cho trẻ quan sát vật thật, giáo viên có thể sử dụng tranh, ảnh, mô hình, băng hình thay thế. Hạn chế đối với loại quan sát này là trẻ không thể sử dụng phối hợp nhiều giác quan và trải nghiệm như ở quan sát vật thật. Muốn cho biểu tượng của trẻ được tương đối toàn diện thì giáo viên cần phải sưu tầm, chuẩn bị số lượng lớn tranh ảnh về cùng một đối tượng. Ví dụ: hình thành biểu tượng về con mèo thông qua quan sát tranh ảnh, cô cần chuẩn bị ảnh về con mèo với đầy đủ các bộ phận đặc trưng: các dạng vận động cơ bản của mèo; thức ăn mà con mèo ăn; con mèo ở nơi sống chính của mình.

+ Quan sát các hiện tượng thiên nhiên (nắng, mưa, gió, bầu trời ở các thời điểm khác nhau...). Việc quan sát các hiện tượng thiên nhiên cũng rất thú vị và để lại những ấn tượng mạnh. Giáo viên mầm non cần biết tận dụng các hiện tượng xảy ra ở xung quanh để cho trẻ quan sát.

+ Quan sát các hiện tượng xã hội: quan sát công việc của người lớn, hoạt động của bạn bè. Loại quan sát này có thể tiến hành qua dạo chơi, tham quan và trong cuộc sống hằng ngày.

- Dựa vào các thời điểm quan sát, ta có:

+ Quan sát trên tiết học: Trên tiết học có thể cho trẻ quan sát vật thật, tranh, ảnh, mô hình. Quan sát trên tiết học đòi hỏi trẻ phải tập trung chú ý, gọi tên các đối tượng và phát hiện các đặc điểm đặc trưng của các đối tượng đó. Loại quan sát này hướng tới việc hình thành biểu tượng đầy đủ và toàn diện cho trẻ, thường đi kèm với phương pháp đàm thoại.

+ Quan sát trong dạo chơi, tham quan: ở đây có thể cho trẻ quan sát các đối tượng, hiện tượng tự nhiên và xã hội. Trẻ được tri giác các biểu hiện mới, lạ, đặc trưng của các sự vật, hiện tượng đang diễn ra trong tự nhiên và trong xã hội. Những quan sát này thường nhằm hướng tới việc tích lũy kiến thức cho trẻ, thường đi kèm với biện pháp sử dụng câu hỏi, chỉ dẫn, giải thích, giảng giải.

+ Quan sát trong sinh hoạt hằng ngày: Trong sinh hoạt hằng ngày từ khi đón trẻ vào lớp đến khi trả trẻ giáo viên cần biết tận dụng các điều kiện, tình huống xảy ra ở trong và ngoài lớp học để cho trẻ quan sát. Ví dụ: Quan sát các đồ chơi mới trong lớp, các đối tượng trong góc thiên nhiên, quan sát khi có gió thổi vào phòng, nắng hắt qua cửa sổ, trời mưa to ở bên ngoài... Việc quan sát các sự vật, hiện tượng diễn ra xung quanh không chỉ giúp trẻ tích lũy được nhiều kiến thức mà còn phát triển, kích thích ở trẻ tính ham hiểu biết, thái độ quan tâm đến môi trường sống. Loại quan sát này thường đi kèm với chỉ dẫn, giao nhiệm vụ; giải thích, giảng giải và sử dụng câu hỏi.

- Dựa vào cách tổ chức quan sát, ta có:

+ Quan sát tập thể: Giáo viên tổ chức cho cả lớp cùng quan sát một đối tượng. Loại quan sát này "tiết kiệm" được đối tượng quan sát nhưng trẻ ít có điều kiện tiếp xúc nhiều với đối tượng quan sát.

+ Quan sát theo nhóm: Giáo viên chia lớp làm nhiều nhóm, mỗi nhóm quan sát một loại đối tượng. Việc quan sát theo nhóm đòi hỏi giáo viên phải biết phân phối sự chú ý để có thể cùng lúc định hướng, chỉ dẫn kịp thời cho trẻ. Trẻ phải biết hợp tác, chia sẻ để quan sát và thảo luận, nhận xét đối tượng quan sát của mình.

+ Quan sát cá nhân: Cô cho mỗi trẻ quan sát một đối tượng. Loại quan sát này đòi hỏi phải có nhiều đối tượng quan sát. Trẻ được tiếp xúc, xem xét kỹ các đối tượng của mình, sau đó cô đặt câu hỏi cho trẻ nhận xét.

- Dựa vào thời gian tiến hành quan sát, ta có:

+ Quan sát ngắn hạn: Cô giáo cho trẻ quan sát từ 3 đến 10 phút, áp dụng đối với quan sát vật thật, tranh ảnh, mô hình hoặc các hiện tượng tự nhiên. Loại quan sát này thường hướng tới mục đích hình thành, củng cố biểu tượng về một sự vật, hiện tượng cụ thể nào đó hoặc tích lũy kiến thức cho trẻ.

+ Quan sát dài hạn: Tiến hành trong khoảng thời gian một buổi, một vài ngày, một tuần, một tháng, một mùa... Quan sát dài hạn áp dụng đối với quan sát sự sinh trưởng của động vật, thực vật; sự thay đổi của thiên nhiên theo mùa; hoạt động, lao động của người lớn (Công việc làm ra hạt thóc của bác nông dân, quá trình xây dựng ngôi nhà của chú công nhân...). Quan sát dài hạn thường áp dụng đối với trẻ mẫu giáo lớn.

d) Yêu cầu đối với việc chuẩn bị và tiến hành quan sát

* Chuẩn bị:

- Xây dựng kế hoạch quan sát.

Việc tiến hành cho trẻ quan sát có hiệu quả hay không phụ thuộc phần nhiều vào việc lập kế hoạch quan sát. Trong kế hoạch cần thể hiện rõ mục đích, nội dung, đối tượng quan sát, cách sắp xếp vị trí của trẻ và của đối tượng quan sát, các bước tổ chức quan sát. Giáo viên mầm non cần chuẩn bị chu đáo lời hướng dẫn, các câu hỏi, các tình huống có vấn đề, các thủ thuật gây hứng thú, các hoạt động củng cố và thể hiện một cách rõ ràng trong kế hoạch.

- Xác định mục đích của lần quan sát.

Mục đích của quá trình quan sát phụ thuộc vào đối tượng quan sát; yêu cầu nội dung cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh ở từng độ tuổi; hình thức giáo dục trẻ mà quan sát được sử dụng.

Từ mục đích quan sát giáo viên mầm non cần xác định các nội dung kiến thức, kỹ năng mà trẻ cần phải lĩnh hội và rèn luyện khi tiếp xúc trực tiếp với đối tượng quan sát.

Ví dụ: Quan sát con cá vàng. Trẻ cần biết: tên, màu sắc, cấu tạo ngoài (đầu, mình, đuôi, vây, vẩy, mang và chức năng của chúng), vận động (bơi, ngoi, lặn), thức ăn và cách ăn, môi trường sống của con cá vàng (nước trong, có rong rêu, có bộ phận lọc nước), cá cần được quan tâm chăm sóc. Trẻ cũng cần rèn luyện khả năng chú ý có chủ định; sử dụng và phối hợp các giác quan; so sánh; phán đoán, nhận xét; giải quyết các tình huống có vấn đề...

- Lựa chọn và chuẩn bị đối tượng quan sát.

Giáo viên phải trả lời 2 câu hỏi: Cho trẻ quan sát cái gì? Ví dụ: quan sát hoa hồng thì nên chọn loại hoa hồng nào cho trẻ quan sát; và cái đó như thế nào? Tức là loại hoa hồng đó to hay nhỏ, mới nở hay đã nở từ lâu, tươi hay héo... Đối tượng quan sát dù là động vật hay thực vật hay là một hiện tượng nào đó đều cần phải đảm bảo yêu cầu sư phạm và thẩm mỹ. Ngoài ra cũng cần chuẩn bị các

phương tiện cần thiết để phục vụ cho quan sát. Ví dụ: quan sát con cá cần có bể kính, thức ăn, vợt v.v...

- Chuẩn bị không gian quan sát.

Vị trí của trẻ và vị trí của đối tượng quan sát phải tạo ra một không gian tối ưu cho việc tiếp xúc của từng trẻ với đối tượng quan sát, bởi lẽ việc tri giác các sự vật, hiện tượng xung quanh chỉ có thể xảy ra thông qua những tiếp xúc trực tiếp. Trẻ cần phải nhìn thấy đối tượng và tất cả những gì diễn ra với đối tượng, nghe thấy âm thanh phát ra từ đối tượng, có thể ngửi thấy mùi, sờ, cầm, nắm để cảm nhận hình dạng, độ cứng hay mềm, nhẵn hay sần sùi và nhiệt độ của từng đối tượng. Tuy từng đối tượng quan sát và lứa tuổi của trẻ mà giáo viên có thể cho trẻ đứng hay ngồi; ngồi xung quanh hay ngồi hình chữ U v.v... Nếu điều kiện cho phép nên cho trẻ quan sát theo nhóm hoặc quan sát cá nhân để trẻ có thể được tiếp xúc tích cực nhất với đối tượng quan sát.

Giáo viên cũng cần lường trước các tình huống xảy ra, đặc biệt khi đối tượng là động vật và thực vật để có cách xử lý linh hoạt, bình tĩnh.

* Tiến hành quan sát.

Quan sát gồm có 3 phần: Mở đầu, hướng dẫn quan sát và kết thúc.

- Mở đầu quan sát: Là thời điểm giáo viên kích thích hứng thú và tập trung sự chú ý quan sát của trẻ. Ở phần này giáo viên cần sử dụng các biện pháp và thủ thuật khác nhau.

Với trẻ lứa tuổi nhà trẻ và mẫu giáo bé có thể sử dụng các thủ thuật gây bất ngờ; các đồ chơi, tình huống chơi. Trẻ mẫu giáo có thể sử dụng các biện pháp dùng lời nói như: câu đố; thơ, chuyện, bài hát, bản nhạc. Đặc biệt ở trẻ mẫu giáo lớn giáo viên có thể sử dụng câu hỏi về những cái mới, cái đặc điểm "ấn" mà trẻ còn chưa biết rõ ở đối tượng để kích thích nhu cầu nhận thức của trẻ.

Ví dụ: Các con đã biết gì về con cá nào? (Trẻ trả lời) Thế con cá có bao nhiêu cái vây tất cả? Cái nào nhỏ nhất? Các con có muốn biết không? Vậy cô và các con hãy cùng quan sát con cá nhé.

Cần lưu ý là các thủ thuật và biện pháp sử dụng ở phần này cần phải kích thích hứng thú và sự tập trung chú ý của trẻ nhưng không nên gây ấn tượng quá mạnh.

- Hướng dẫn quan sát: Đây là phần chính của quan sát. Nhiệm vụ của giáo viên là sử dụng các biện pháp đảm bảo cho trẻ tiếp thu một cách tự lập các thông tin nhận cảm, phát triển tính tích cực nhận thức, phát triển tư duy và tính ham hiểu biết.

Trước tiên, giáo viên dành thời gian cho trẻ tự quan sát, tự trao đổi, chia sẻ, bộc lộ cảm xúc, thông tin với nhau. Sau đó giáo viên hướng sự tập trung chú ý của trẻ vào đối tượng quan sát và đặt câu hỏi. Ví dụ: Các con hãy nhìn (xem) thật kỹ xem con cá vàng nó như thế nào? Sau mỗi câu hỏi nên dừng lại 2 - 3 giây để trẻ kịp phát hiện và trả lời. Trong khi hướng dẫn trẻ quan sát giáo viên cần đưa ra **các tình huống có vấn đề** để trẻ suy nghĩ, tìm cách giải quyết và duy trì hứng thú, sự chú ý của trẻ vào đối tượng quan sát. Ví dụ: Không biết con cá vàng này nó thích ăn gì nhất nhỉ? Làm thế nào để biết bây giờ? Để giải quyết tình huống này giáo viên cần có sự chuẩn bị chu đáo từ trước, cụ thể là chuẩn bị đối tượng quan sát (Muốn biết con cá nó ăn gì, ăn như thế nào. Trước khi quan sát không nên cho cá ăn) và các phương tiện khác như các loại thức ăn. Trong khi trẻ đưa ra các phương án giải quyết của mình giáo viên cần tổ chức cho trẻ được **trải nghiệm**. Ví dụ: trẻ tự tay mình thả thức ăn xuống cho cá ăn và quan sát xem cá ăn cái gì. Việc cho trẻ được trải nghiệm sẽ làm cho

quan sát trở nên sinh động, hấp dẫn hơn và điều quan trọng nhất là giúp trẻ nhận thức các đặc điểm của đối tượng quan sát một cách dễ dàng, sâu sắc và chính xác.

Ở mẫu giáo nhỏ và mẫu giáo lớn, tùy từng đối tượng quan sát mà giáo viên có thể kết hợp cho trẻ **phân biệt, so sánh**. Ví dụ: mắt con cá với mắt của chúng mình có giống nhau không? Khác nhau ở chỗ nào? Biện pháp này không những yêu cầu trẻ phải quan sát thật kỹ đối tượng mà còn tách ra được những dấu hiệu đặc trưng của đối tượng quan sát.

Để giảm bớt căng thẳng, tăng cường khả năng quan sát cho trẻ giáo viên cho trẻ thực hiện một số hành động và vận động đơn giản nhằm **mô phỏng** đối tượng quan sát. Ví dụ: Trẻ dùng tay hoặc miệng mô phỏng động tác đớp mồi của con cá; dùng toàn thân hoặc tay mô phỏng động tác bơi, ngoi lên, lặn xuống hoặc cử động của các vây cá. Điều này sẽ giúp khắc sâu kiến thức của trẻ về đối tượng quan sát. Phần hướng dẫn quan sát cần toàn vẹn, thống nhất, không nên xen kẽ những giải thích dài dòng hay các câu chuyện, bài thơ, trò chơi hoặc các nội dung ngoài lề.

Giáo viên cần nhớ rằng trẻ phải tập trung chú ý vào đối tượng và làm việc trí óc. Vì vậy cần kết hợp khen ngợi trẻ đúng lúc, nâng đỡ, duy trì hứng thú cho trẻ. Mỗi lần quan sát không nên kéo dài quá sẽ làm trẻ mệt mỏi, căng thẳng. Thời gian cho một lần quan sát chỉ nên giới hạn trong phạm vi từ 3 đến 10 phút.

- Kết thúc quan sát: Để khắc sâu biểu tượng về đối tượng quan sát, tạo trạng thái xúc cảm vui sướng cho trẻ và hình thành nhu cầu quan sát tiếp tục ở những lần sau, giáo viên có thể tổ chức cho trẻ chơi trò chơi, hát, múa, đọc thơ, kể chuyện hoặc tô màu, vẽ, nặn, xé dán v.v...

1.2.2. Xem tranh, ảnh, mô hình, băng hình và sử dụng tin học (sử dụng tài liệu trực quan)

a) Mục đích

Sử dụng phương tiện trực quan là phương pháp quan trọng và được sử dụng rộng rãi trong quá trình cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh, vì nó phù hợp với đặc điểm nhận thức và tư duy của trẻ. Phương pháp này được sử dụng nhằm các mục đích:

- Hình thành biểu tượng ban đầu về các sự vật, hiện tượng gần gũi và ít gần gũi đối với trẻ.
- Củng cố, hệ thống hoá và mở rộng hiểu biết cho trẻ về các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Phát triển khả năng chú ý có chủ định, khả năng tri giác và tư duy cho trẻ.

b) Yêu cầu đối với phương tiện trực quan

- Tranh, ảnh, mô hình: Có thể sử dụng tranh, ảnh, mô hình có kích thước, chất liệu khác nhau và phản ánh các sự vật, hiện tượng của thiên nhiên, xã hội. Tranh, ảnh, mô hình cần phải đẹp, sinh động, phản ánh trung thực hiện thực khách quan.

- Băng hình: Băng hình phải có nội dung phù hợp với các nội dung cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh, cụ thể là: đời sống của động, thực vật; phong cảnh quê hương, đất nước; các hiện tượng thiên nhiên; hoạt động lao động của con người; Bác Hồ của chúng em v.v... Chất lượng của băng hình phải đảm bảo sắc nét, màu sắc rõ ràng, âm thanh trong sáng.

c) Yêu cầu đối với cách sử dụng

* Sử dụng phương tiện trực quan nhằm hình thành biểu tượng ban đầu về các sự vật, hiện tượng xung quanh. Với mục đích này có thể sử dụng phương tiện trực quan ở trên tiết học (Tiết học mở đầu cho một chủ điểm) hoặc ở ngoài tiết học nhằm tích lũy, mở rộng kiến thức cho trẻ.

- Trên tiết học: Giáo viên cần chuẩn bị tranh, ảnh, mô hình có nội dung đa dạng, phong phú về một hoặc một nhóm đối tượng. Ví dụ về động vật cần có: tranh, ảnh, mô hình về các loài động vật sống dưới nước, trên cạn và trên không hoặc về nhóm cây lương thực, thực phẩm thì gồm có nhiều loại rau, quả, hạt v.v...

Có thể tổ chức cho trẻ xem theo nhóm, cá nhân hoặc cô hướng dẫn cả lớp cùng xem. Khi xem tranh, ảnh giáo viên cần đặt câu hỏi về tên gọi và 1, 2 đặc điểm, dấu hiệu đặc trưng nhất của đối tượng trong tranh. Việc xem tranh này cần để lại ấn tượng tốt, tạo điều kiện cho việc khám phá, đi sâu tìm hiểu kỹ về các đối tượng đó.

- Ngoài tiết học: Giáo viên có thể cùng xem tranh với trẻ trong các thời điểm như sau khi đón trẻ hoặc trước khi trả trẻ. Ngoài ra giáo viên có thể tạo ra môi trường để trẻ tự xem như dán tranh ở mảng tường theo chủ điểm, sắp xếp tranh ở các giá, tủ trong góc thư viện, góc học tập. Khi trẻ xem giáo viên có thể trò chuyện cùng với trẻ về nội dung của tranh, đối với trẻ mẫu giáo nhỏ và lớn cô có thể giao nhiệm vụ cho trẻ, chẳng hạn xem xong kể tên các đối tượng trong tranh hoặc sắp xếp theo nhóm. Tranh, ảnh, mô hình cho trẻ xem ở ngoài tiết học cần đa dạng về nội dung, về kích thước và xuất xứ của chúng. Có thể sử dụng tranh, ảnh, mô hình được thiết kế riêng cho làm quen với môi

trường xung quanh hoặc tranh ảnh, mô hình sưu tầm từ phía gia đình, những tranh ảnh cắt từ báo, tạp chí, lịch, ảnh chụp đều có thể sử dụng.

* Sử dụng phương tiện trực quan nhằm củng cố, hệ thống hoá và mở rộng kiến thức cho trẻ.

Phương pháp này sử dụng chủ yếu trên tiết học. Phương tiện trực quan cần phải đảm bảo các yêu cầu như đã nêu ở trên. Đối với các nội dung như động vật, thực vật có thể sử dụng vật thật, còn về Bác Hồ, nghề nghiệp, quê hương, đất nước có thể dùng băng hình.

Trên cơ sở những kiến thức mà trẻ đã tích lũy được trong cuộc sống hằng ngày giáo viên sử dụng phương tiện trực quan để giúp trẻ nhớ lại những đặc điểm, dấu hiệu đặc trưng của đối tượng, từ đó hệ thống hoá các đặc điểm, dấu hiệu của một hoặc một nhóm đối tượng. Trong trường hợp này sử dụng phương tiện trực quan thường đi kèm với đàm thoại, cả hai phương pháp này đều nhằm giải quyết mục đích chính của tiết học.

Phương tiện trực quan còn được sử dụng nhằm mở rộng hiểu biết của trẻ về một dấu hiệu hoặc một nhóm đối tượng nào đó. Trong trường hợp này sử dụng phương tiện trực quan đóng vai trò như một biện pháp đi kèm với đàm thoại, minh hoạ cho đàm thoại hoặc gợi ý cho một câu trả lời của trẻ. Ví dụ: Sau khi trẻ đã nhận xét đặc điểm của rau bắp cải, su hào và cà chua cô hỏi trẻ còn biết loại rau nào khác nữa, sau mỗi câu trả lời của trẻ cô đưa tranh (ảnh, mô hình, vật thật) minh hoạ. Cùng với ngôn ngữ, phương tiện trực quan giúp phát triển và rèn luyện óc quan sát, khắc sâu, mở rộng hiểu biết cho trẻ, làm cho kiến thức của trẻ sâu sắc và chính xác.

Đối với sử dụng băng hình giáo viên cần lưu ý về khoảng cách giữa màn hình với vị trí của trẻ. Màn hình nên để ngang tầm mắt trẻ, cách trẻ khoảng 3m. Tùy mục đích sử dụng mà có thể dùng lời thuyết minh kèm với việc cho trẻ xem hoặc cho trẻ xem xong rồi mới thảo luận, nhận xét.

*Sử dụng tin học: Trường mầm non và các giáo viên có thể thiết kế các phần mềm để cho trẻ được tiếp xúc với các đối tượng xung quanh. Việc đưa các đối tượng lên màn hình máy vi tính sẽ làm cho chúng trở nên sinh động và hấp dẫn hơn; sự tiếp xúc, nhận biết của trẻ vì thế cũng trở nên hiệu quả hơn. Ngoài ra, giáo viên có thể thiết kế các trò chơi đơn giản để củng cố hiểu biết của trẻ về môi trường xung quanh. Ví dụ: gắn hình tương ứng; nối hình hoặc tìm các đối tượng cùng nhóm để trẻ có thể tự thao tác với máy tính.

1.2.3. Nêu gương bắt chước những hành động văn hoá và hành vi văn hoá

a) Mục đích

- Củng cố, hình thành biểu tượng về các hành vi văn hóa.
- Giáo dục thái độ ứng xử đúng đắn với môi trường xung quanh.

b) Hướng dẫn sử dụng

Đối với các hành vi văn hoá xảy ra trong lớp, trong trường mầm non, giáo viên cần bộc lộ thái độ tích cực; tận dụng tình huống để giải thích cho trẻ hành động đó tốt như thế nào, tuyên dương trẻ đã có hành động tốt và khuyến khích các trẻ khác bắt chước theo. Bản thân giáo viên phải thể hiện mình như một tấm gương để trẻ học tập. Ngoài ra còn có thể sử dụng thời gian cuối ngày, cuối tuần khi phát phiếu bé ngoan để khen ngợi các bạn có hành vi tốt trong lớp, kích thích các trẻ khác muốn làm được nhiều việc tốt.

Như vậy, nhóm phương pháp và biện pháp trực quan bao gồm những phương pháp và biện pháp được sử dụng rất rộng rãi và có giá trị trong việc hình thành các biểu tượng cụ thể cho trẻ về thế giới khách quan. Tuy nhiên, các phương pháp này thường không được sử dụng một cách độc lập mà thường đi kèm với các phương pháp khác, đặc biệt là các phương pháp trong nhóm dùng lời nói.

2. Nhóm phương pháp và biện pháp dùng lời nói

2.1. Mục đích, vị trí, ý nghĩa

2.1.1. Mục đích

- củng cố, làm chính xác, sâu sắc các biểu tượng mà trẻ đã có được thông qua tri giác. Hình thành các biểu tượng khái quát về các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Phát triển các kỹ năng nhận thức, khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ.
- Giáo dục thái độ ứng xử đúng đắn đối với thiên nhiên và cuộc sống xung quanh.

2.1.2. Vị trí

Nhóm phương pháp và biện pháp dùng lời nói là nhóm phương pháp quan trọng và không thể thiếu trong quá trình cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh. Nhóm phương pháp này có thể được sử dụng phối hợp với hai nhóm phương pháp trực quan và nhóm phương pháp thực hành, đồng thời có thể sử dụng các phương pháp trong nhóm này một cách tương đối độc lập nhằm củng cố, mở rộng hiểu biết cho trẻ.

2.1.3. Ý nghĩa

- Góp phần tích cực vào việc phát triển trí tuệ.

Trong quá trình làm quen với môi trường xung quanh, câu hỏi, lời hướng dẫn của giáo viên giúp trẻ biết và hiểu được nhiệm vụ, mục đích của các hoạt động mà trẻ tham gia, cách thức quan sát, so sánh và phân nhóm, thông qua đó phát triển ở trẻ các kỹ năng nhận thức cơ bản như quan sát, so sánh, phân nhóm, giao tiếp, phán đoán, suy luận.

Nhờ có lời nói trẻ có thể hiểu một cách đầy đủ và chính xác hơn những dấu hiệu, thuộc tính, mối quan hệ của đối tượng mà bằng trực quan trẻ không thể nhận biết một cách hiệu quả được.

Khi trẻ trả lời các câu hỏi và nhận xét các đối tượng, ở trẻ phát triển kỹ năng giao tiếp: vốn từ được phát triển, đặc biệt là khả năng sử dụng ngôn ngữ mạch lạc.

- Góp phần tích cực vào việc giáo dục đạo đức, thẩm mỹ.

Trong quá trình tiếp xúc với các sự vật, hiện tượng xung quanh lời nói kết hợp với đồ dùng trực quan giúp trẻ cảm nhận được một cách đầy đủ và toàn diện vẻ đẹp, sự phong phú, đa dạng của sự vật và hiện tượng, từ đó phát triển các xúc cảm thẩm mỹ và đạo đức. Lời nói cũng giúp trẻ hiểu và phân biệt các hành động đúng, sai; nên và không nên đối với môi trường, từ đó trẻ có cách ứng xử phù hợp, đúng đắn đối với thiên nhiên, môi trường và mọi người xung quanh.

2.2. Hướng dẫn thực hiện các phương pháp và biện pháp dùng lời nói

2.2.1. Đàm thoại

a) *Khái niệm*: Phương pháp đàm thoại là phương pháp mà giáo viên và trẻ đưa ra các câu hỏi và câu trả lời về các sự vật, hiện tượng xung quanh nhằm đạt được mục đích nhất định.

b) *Các loại đàm thoại*: Trong quá trình cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh có hai loại thường được sử dụng, đó là đàm thoại nhằm hình thành biểu tượng và đàm thoại nhằm củng cố, chính xác hoá, hệ thống hoá kiến thức (có khi được gọi là đàm thoại tổng kết).

c) *Cách hướng dẫn*

- Đàm thoại nhằm hình thành biểu tượng thường đi kèm với quan sát và xem tranh, ảnh, mô hình, băng hình. Đàm thoại loại này nhằm tập trung sự chú ý, kích thích hoạt động tư duy, tích cực hoá sự tri giác đối tượng của trẻ.

Để đàm thoại nhằm hình thành biểu tượng đạt được hiệu quả cao giáo viên mầm non cần chuẩn bị chu đáo các câu hỏi. Nội dung câu hỏi phụ thuộc vào mục đích của lần quan sát hoặc xem tranh, ảnh, mô hình, băng hình. Ví dụ: mục đích của quan sát con mèo là trẻ nhận biết các dấu hiệu đặc trưng của mèo thì câu hỏi cần có nội dung về màu sắc, các bộ phận đặc trưng, tiếng kêu, vận động, thức ăn của mèo.

Câu hỏi cần ngắn gọn, rõ ý và phù hợp với đặc điểm nhận thức của trẻ. Đặc biệt câu hỏi cần phải hướng sự chú ý của trẻ vào đối tượng tri giác, kích thích trẻ tìm tòi, khám phá, phát hiện. Ví dụ: Lông của con mèo có màu gì? Mèo có mấy chân? Tai nó quay ra phía ngoài hay quay vào nhau? Nó đang làm gì?

Đối với trẻ mẫu giáo nhỏ và lớn cần tăng cường các câu hỏi nêu vấn đề nhằm phát triển tư duy cho trẻ, cụ thể là các câu hỏi yêu cầu trẻ phải phân biệt, so sánh, phán đoán, suy luận, giải thích v.v... Ví dụ: Quan sát con mèo có thể đặt câu hỏi: Mắt con mèo có giống với mắt chúng mình không? Con mèo đi như thế nào? Tại sao con mèo lại đi nhẹ nhàng như thế nhỉ? Nó sẽ ăn món gì nếu chúng mình cho nó một đĩa cá, một đĩa cơm và một đĩa rau xào?... Khi đưa ra mỗi câu hỏi giáo viên cần dành thời gian cho trẻ suy nghĩ. Cần kích thích và huy động câu trả lời từ nhiều trẻ bằng cách cho trẻ trả lời tập thể và trả lời cá nhân. Với những câu hỏi khó giáo viên cần giúp trẻ trả lời bằng cách đưa ra những câu gợi mở hoặc các chỉ dẫn kịp thời.

- Đàm thoại nhằm củng cố, chính xác hoá, hệ thống hoá kiến thức.

Sau khi trẻ đã được làm quen với một số nội dung của chủ đề nào đó thông qua quan sát, xem tranh ảnh, mô hình, băng hình, nghe kể chuyện, đọc thơ, hát, sưu tầm tranh, ảnh, đồ dùng..., giáo viên tiến hành đàm thoại nhằm củng cố, chính xác hoá, hệ thống hoá những kiến thức mà trẻ đã tích lũy được.

*Chuẩn bị:

+ Tích lũy kiến thức cho trẻ bằng các phương pháp: quan sát; xem tranh, ảnh, băng hình; sử dụng chuyện, thơ, câu đố, bài hát; vẽ, nặn, xé dán; trò chuyện; làm các bộ sưu tập, đặc biệt cần tạo ấn tượng, cảm xúc cho trẻ.

+ Xác định mục đích, yêu cầu của đàm thoại.

+ Chuẩn bị tranh, ảnh, mô hình, vật thật, băng hình.

+ Xây dựng hệ thống câu hỏi. Nội dung câu hỏi phải phù hợp với mục đích, yêu cầu đề ra, phù hợp với trình độ nhận thức của trẻ. Câu hỏi cũng cần hướng tới việc thiết lập các mối liên hệ và quan hệ, khái quát hoá những kiến thức mà trẻ đã tích lũy được. Đặc biệt câu hỏi cần phải mang tính khái quát cao. Ví dụ: Con biết gì về hoa hồng? Hoa cúc có đặc điểm gì? Con hãy kể những gì con biết về các chú bộ đội? Ngoài việc chuẩn bị câu hỏi, giáo viên cũng cần dự kiến trước những câu trả lời, lường trước các tình huống xảy ra để có cách xử lý linh hoạt.

*** Hướng dẫn đàm thoại**

Giáo viên sử dụng các thủ thuật, biện pháp gây hứng thú và tạo ấn tượng, cảm xúc tốt cho trẻ. Sau đó sử dụng các câu hỏi đã chuẩn bị để trẻ tham gia trả lời. Mỗi câu hỏi nên cho nhiều trẻ tham gia trả lời. Giáo viên cần khen ngợi kịp thời những trẻ có câu trả lời đúng, gợi ý mỗi khi trẻ gặp khó khăn. Trong quá trình đàm thoại giáo viên sử dụng tranh ảnh, mô hình, vật thật hoặc các bộ sưu tập để phát triển khả năng tri giác, tư duy, khơi gợi xúc cảm, đồng thời khắc sâu và mở rộng kiến thức cho trẻ. Ngoài ra trong quá trình đàm thoại giáo viên còn có thể sử dụng các biện pháp khác như giải thích, giảng giải; sử dụng chuyện, thơ, ca dao, tục ngữ minh họa.

2.2.2. Trò chuyện

a) Khái niệm

Trò chuyện là quá trình giao tiếp giữa các cá nhân hoặc một nhóm nhỏ với nhau nhằm tích lũy, củng cố hoặc mở rộng hiểu biết, chia sẻ cảm xúc về các sự vật, hiện tượng xung quanh. Khác với đàm thoại, nội dung của trò chuyện linh hoạt hơn, tính chất của trò chuyện thoải mái, tình cảm hơn.

b) Các loại trò chuyện

- Trò chuyện giữa cô và trẻ trong đó cô là người chủ động đưa ra các câu hỏi, trẻ là người trả lời. Khi có thắc mắc trẻ có thể hỏi lại cô để cô giải thích, giảng giải. Cô cần biết cách đặt câu hỏi để trẻ có thể bộc lộ kinh nghiệm, hiểu biết cũng như cảm xúc của mình. Trò chuyện loại này giúp trẻ gần gũi, gắn bó hơn với cô giáo, với trường lớp mẫu giáo. Đây cũng là một trong những phương pháp để có thể đánh giá trình độ, vốn hiểu biết của trẻ để từ đó đưa ra các nội dung, phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh phù hợp hơn.

- Trò chuyện giữa trẻ với trẻ diễn ra trong nhóm trẻ với nhau theo một đề tài hoặc về một đối tượng mà cô khởi xướng. Trò chuyện loại này tỏ ra rất hiệu quả đối với việc tích lũy, mở rộng kiến thức vì những người tham gia đều có cùng trình độ hiểu biết, ngôn ngữ, cùng sở thích. Giáo viên phải là người định hướng nội dung trò chuyện bằng cách đưa đến một bức tranh hoặc một tình huống nào đó nhằm thu hút sự quan tâm, chú ý của trẻ, kích thích để trẻ thể hiện kinh nghiệm của mình cho các bạn khác cùng biết. Khi trẻ đã tạo được nhóm để trò chuyện cô có thể không cần tham gia trực tiếp nhưng vẫn phải bao quát, bởi lẽ thông tin của trẻ đôi khi thiếu chính xác. Trong những trường hợp đó cô cần kịp thời sửa sai cho trẻ.

Trò chuyện có thể tổ chức vào các thời điểm trong sinh hoạt hằng ngày.

2.2.3. Giải thích, giảng giải

Giải thích, giảng giải tức là dùng lời nói để hiểu làm cho trẻ hiểu sâu, hiểu kỹ hơn những điều trẻ đã và đang tri giác. Giải thích, giảng giải có thể đi kèm với quan sát, đàm thoại, mô hình hoá v.v...

Những kiến thức mà cô muốn cung cấp thông qua giải thích, giảng giải phải chính xác, dễ hiểu, phù hợp với trình độ hiểu biết của trẻ.

2.2.4. Chỉ dẫn và giao nhiệm vụ

Chỉ dẫn là dùng lời nói kết hợp với hành động nhằm hình thành và rèn luyện một số kỹ năng cho trẻ như kỹ năng quan sát, kỹ năng lao động, chăm sóc cây cối, các con vật v.v... Chỉ dẫn, giao nhiệm vụ phải rõ ràng, ngắn gọn, cụ thể. Khi trẻ thực hiện nhiệm vụ cô cần bao quát để kịp thời sửa sai hoặc khen ngợi trẻ.

2.2.5. Sử dụng chuyện kể, chuyện đọc, sách, thơ, ca dao, tục ngữ, câu đố, bài hát và bản nhạc

Đây là một trong những phương pháp dùng lời nói được sử dụng rộng rãi trong quá trình cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh. Phương pháp này có khả năng giải quyết được nhiệm vụ dạy học và giáo dục như: tích lũy, củng cố, mở rộng kiến thức; giáo dục tình cảm đạo đức và thái độ ứng xử đúng đắn. Khi được sử dụng kèm với các phương pháp khác thì nó có khả năng gây hứng thú, kích thích sự tập trung chú ý của trẻ và là phương tiện để minh họa cho nội dung đàm thoại. Dưới đây là cách sử dụng các thể loại văn học và âm nhạc.

- *Chuyện kể và thơ*: Sử dụng các câu chuyện kể và thơ có nội dung về thiên nhiên, về quê hương đất nước, về mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên và với chính con người. Giáo viên có thể sử dụng những câu chuyện, bài thơ có sẵn hoặc tự sáng tác. Chuyện, thơ có thể sử dụng ngoài tiết học, cụ thể là trong sinh hoạt hằng ngày hoặc sử dụng trong các tiết học. Khi kể chuyện, đọc thơ, giọng đọc kể cần phải truyền cảm, kết hợp với cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ giúp trẻ cảm nhận được cả nội dung và giá trị tư tưởng của câu chuyện, bài thơ. Sử dụng chuyện kể và thơ ở ngoài tiết học thì khi đọc, kể xong cô cần đàm thoại sơ bộ với trẻ. Nội dung đàm thoại cần phục vụ cho các mục đích tích lũy, củng cố hoặc mở rộng hiểu biết về tự nhiên và xã hội. Đối với mẫu giáo lớn có thể cho trẻ tự thể hiện các câu chuyện, bài thơ mà trẻ đã được biết về các sự vật, hiện tượng của tự nhiên và xã hội xung quanh hoặc trẻ tự sáng tác thơ, chuyện về đề tài trẻ được làm quen.

- *Sách*: Ở trường mầm non có thể sử dụng các loại sách như sách, tranh truyện dành cho trẻ mầm non, sách khoa học, sách của nhà xuất bản Kim Đồng có kèm theo hình ảnh, từ điển tranh và tóm tắt đặc điểm của động vật, thực vật v.v... Truyện đọc và sách có thể sắp xếp ở góc học tập và góc thư viện của các lớp mẫu giáo và thay đổi theo từng chủ điểm. Giáo viên có thể đọc cho trẻ nghe trong sinh hoạt hằng ngày. Khi đọc cô chỉ vào tranh hoặc các dòng chữ trong sách để trẻ có thể tri giác hình ảnh và các từ được in trong sách. Đọc xong cô có thể đàm thoại sơ bộ hoặc giải thích cho trẻ về nội dung mà trẻ được nghe. Sách cũng là địa chỉ tin cậy để mỗi khi trẻ có thắc mắc cô có thể tìm đến để có lời giải thích chính xác. Trong các giờ hoạt động, giáo viên có thể gợi ý để cho các cá nhân và các nhóm trẻ xem sách và thảo luận cùng nhau. Để có "thư viện" phong phú giáo viên mầm non có thể huy động sự đóng góp của các gia đình trẻ hoặc từ các học sinh ở trường tiểu học.

- *Ca dao, đồng dao, tục ngữ*: Kho tàng ca dao, đồng dao, tục ngữ Việt Nam rất phong phú. Trong quá trình cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh giáo viên mầm non có thể sử dụng

những câu ca dao, tục ngữ, các bài đồng dao đơn giản về thiên nhiên và xã hội để qua đó cung cấp kiến thức, kinh nghiệm và cách ứng xử cho trẻ. Ca dao, đồng dao, tục ngữ có thể sử dụng trong sinh hoạt hằng ngày, trên tiết học và trong các buổi dạo chơi khi có các tình huống hoặc các sự kiện xảy ra gắn với nội dung của ca dao, đồng dao, tục ngữ. Khi đọc xong cô giáo cũng cần giải nghĩa sơ bộ cho trẻ.

- *Câu đố*: Câu đố được sử dụng rất rộng rãi trong các hình thức cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh. Giáo viên có thể sử dụng ngay những câu đố dành cho trẻ mầm non hoặc lựa chọn những câu đố phù hợp với trẻ em từ trong kho tàng câu đố dân gian Việt Nam và những câu đố do giáo viên tự sáng tác. Câu đố có thể sử dụng như một phương pháp nhằm tích lũy, củng cố, mở rộng kiến thức cho trẻ và như một biện pháp nhằm tập trung sự chú ý của trẻ. Khi đọc câu đố giọng đọc cần chậm rãi, có thể gợi ý cho trẻ khi trẻ khó đoán. Với trẻ lứa tuổi mẫu giáo lớn cô có thể khuyến khích trẻ tự sáng tác câu đố về các sự vật, hiện tượng gần gũi xung quanh.

- *Bài hát, bản nhạc*: Có thể sử dụng tất cả các bài hát trong chương trình giáo dục mầm non và những bài hát của người lớn có nội dung dễ hiểu về thiên nhiên và xã hội. Giáo viên và trẻ có thể thể hiện các bài hát dưới hình thức cá nhân, tập thể hoặc thi đua giữa các nhóm. Ngoài ra có thể cho trẻ nghe băng, xem tivi các bài hát theo chủ đề.

3. Nhóm phương pháp và biện pháp thực hành

3.1. Mục đích, vị trí, ý nghĩa

3.1.1. Mục đích

- Củng cố, bổ sung và phát triển tri thức.
- Hình thành và rèn luyện một số kỹ năng: kỹ năng nhận thức, kỹ năng xã hội, kỹ năng thực hành.
- Giáo dục óc sáng tạo, ý thức tự giác giữ gìn và bảo vệ môi trường sống xung quanh.

3.1.2. Vị trí

Theo quy luật nhận thức thì nhóm phương pháp thực hành giúp kiểm nghiệm lại những kiến thức mà trẻ đã thu được thông qua hai nhóm phương pháp trực quan và dùng lời nói. Nhóm phương pháp này được sử dụng rất rộng rãi ở tất cả các lứa tuổi.

3.1.3. Ý nghĩa

- Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo cho trẻ.

Thông qua các hoạt động thực hành trẻ được tích cực hoạt động: trải nghiệm, tìm tòi, khám phá và hoạt động tư duy, từ đó củng cố, bổ sung, phát triển tri thức cho trẻ. Trong các hoạt động thực hành trẻ mẫu giáo nhỏ và mẫu giáo lớn được chủ động lên kế hoạch và thực hiện theo kế hoạch mà mình đã đề ra. Khi tham gia vào các trò chơi và hoạt động tạo hình trẻ được vận dụng hiểu biết, trí tưởng tượng của mình để thể hiện các vai chơi và các sản phẩm tạo hình, quá trình đó đã làm cho óc sáng tạo của trẻ được rèn luyện và phát triển.

- Góp phần tích cực vào việc giáo dục mối quan hệ tốt của trẻ với môi trường sống xung quanh.

Trong các hoạt động thực hành trẻ được chơi, làm việc theo nhóm bạn bè, qua đó trẻ phát triển kỹ năng hợp tác, thỏa thuận, chia sẻ, nhường nhịn, giúp đỡ. Trong khi chơi và làm các thí nghiệm trẻ được tiếp xúc, tham gia vào việc tạo ra các tình huống, các điều kiện sống cho các đối tượng, từ đó trẻ thấy được sự cần thiết phải giữ gìn, chăm sóc và bảo vệ thiên nhiên, môi trường.

3.2. Hướng dẫn thực hiện các phương pháp và biện pháp

3.2.1. Sử dụng trò chơi

Trong quá trình cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh trò chơi được sử dụng như một phương pháp quan trọng ở tất cả các độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo. Ở môn học này các trò chơi được sử dụng rất phong phú và đa dạng, bao gồm trò chơi học tập, trò chơi vận động và trò chơi sáng tạo.

3.2.1.1. Trò chơi học tập

a) Khái niệm: Trò chơi học tập còn gọi là trò chơi dạy học (E.I.Chikheeva), là trò chơi có luật do người lớn nghĩ ra. Trò chơi học tập được sử dụng nhằm mục đích giáo dục và dạy trẻ học, hướng tới việc hình thành và phát triển hoạt động trí tuệ cho trẻ.

Ưu điểm cơ bản của trò chơi học tập là gợi được ở trẻ sự hứng thú, tập trung chú ý, những xúc cảm tích cực đối với việc giải quyết các nhiệm vụ nhận thức thường tồn tại ở trạng thái ẩn.

b) Mục đích

- Củng cố, bổ sung, phát triển tri thức và kỹ năng.
- Rèn luyện các khả năng hoạt động trí tuệ (khả năng quan sát, so sánh, phân nhóm...).

c) Các loại trò chơi học tập

Có nhiều cách phân loại trò chơi học tập. Các nhà sư phạm Liên Xô (P.G.Xamarukova, A.K.Bondarenko, D.V.Mendzeriskav, E.N.Udalsova) chia trò chơi học tập *theo tính chất sử dụng đồ chơi và tài liệu học tập*. Theo cách phân loại này trò chơi học tập gồm ba nhóm chính, đó là:

- Trò chơi với vật thật: Trong những trò chơi này trẻ sử dụng quả, lá, cây, hoa, hạt, đồ dùng, đồ chơi... Những trò chơi này không chỉ củng cố, bổ sung kiến thức mà còn góp phần rèn luyện các giác quan cho trẻ thông qua việc tiếp xúc trực tiếp với vật thật. Các trò chơi thuộc loại này bao gồm: Cái gì biến mất; Thêm bớt; Cái túi kỳ lạ; Tìm cây qua lá; Tìm lá cho hoa; Xếp nhanh thành nhóm.

- Trò chơi với tranh ảnh, mô hình: Có thể sử dụng tranh ảnh các cỡ, mô hình bằng bìa, gỗ, nhựa, bông; các con giống; các bộ lô tô v.v...; đồ chơi; tú lơ khơ in hình các đối tượng như động vật, đồ vật v.v...; các quyển vở in hình vẽ các loại. Loại trò chơi với tranh, ảnh, mô hình được sử dụng rộng rãi nhất vì tính đa dạng của đồ chơi. Việc chuẩn bị đồ chơi không quá tốn kém và một số loại có thể sử dụng nhiều lần. Các trò chơi với tranh, ảnh, mô hình phổ biến như: Cái gì biến mất; Thêm bớt; Nối hình; Ghép hình; Lô tô; Xếp tranh theo đúng thứ tự; Ai sai, ai đúng v.v...

Trò chơi dùng lời nói: Những trò chơi này không cần sử dụng bất cứ một loại đồ chơi nào và có thể áp dụng cho nhiều nội dung khác nhau. Các trò chơi phổ biến như: Đúng - sai; Nói thật nhanh; Kể đủ ba thứ; Bắt chước tiếng kêu v.v...

Ngoài cách phân loại nêu trên trò chơi học tập còn có thể chia thành các nhóm *dựa trên mục đích cơ bản* mà trò chơi có thể giải quyết. Theo cách này có:

- Những trò chơi củng cố sự nhận biết các đối tượng cụ thể: Nội dung và các hành động chơi hướng vào việc củng cố một biểu tượng cụ thể nào đó: Ghép hình, ghép tranh cắt rời; Xếp tranh theo đúng thứ tự; Hủy đánh dấu đúng.

- Những trò chơi củng cố sự nhận biết, phân biệt các đối tượng: Nội dung và các hành động chơi được hướng tới việc củng cố hai hay nhiều đối tượng cùng một lúc và phân biệt chúng theo các dấu hiệu, đặc điểm rõ nét. Các trò chơi thuộc loại này rất phong phú: Cái gì biến mất; Thêm bớt; Cái túi kỳ lạ; Tìm cây qua lá; Lô tô; Đôminô; Tìm nhà; Nối hình; Nói thật nhanh; Bắt chước tiếng kêu.

- Những trò chơi rèn luyện khả năng phân nhóm đối tượng: Những trò chơi này hướng tới việc củng cố đặc điểm chung của các nhóm đối tượng và phân nhóm chúng theo các dấu hiệu khác nhau, đó là các trò chơi: Xếp nhanh thành các nhóm; Xếp lô tô theo nhóm; Tìm nhà; Nối hình; Thi xem đội nào nhanh; Kể đủ ba thứ v.v...

Trò chơi học tập có thể sử dụng trong các tiết học làm quen với môi trường xung quanh, ở góc học tập của giờ hoạt động góc, trong giờ sinh hoạt chiều. Ở ngoài tiết học cô cần lựa chọn những trò chơi tĩnh có nội dung phục vụ cho chủ đề để các cá nhân hoặc các nhóm nhỏ có thể chơi. Ví dụ: trò chơi ghép hình, nối hình, xếp lô tô theo nhóm, xếp tranh theo đúng thứ tự v.v...

d) Cách hướng dẫn trò chơi học tập

- Giáo viên nói tên trò chơi. Điều này gợi cho trẻ nhớ lại các trò chơi tương tự mà trẻ đã được chơi.

- Cô hướng dẫn trẻ cách chơi (trẻ mẫu giáo lớn có thể nhớ và nhắc lại được cách chơi, luật chơi). Việc hướng dẫn cách chơi cần rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu. Với những trò chơi mới hoặc khó cô có thể làm mẫu hoặc yêu cầu 1, 2 cháu khá lên chơi mẫu.

- Khi cho trẻ chơi, hiệu lệnh của cô phải dứt khoát, ngắn gọn và thể hiện ngữ điệu.

- Cô bao quát khi trẻ chơi để kịp thời nhắc nhở hoặc sửa sai cho trẻ. Với những trò chơi thi đua ở mẫu giáo nhỡ và lớn cô cùng trẻ nhận xét, khen ngợi, tuyên dương trẻ kịp thời.

3.2.1.2. Trò chơi vận động

Sử dụng những trò chơi có nội dung về thiên nhiên và xã hội, đó là những trò chơi phản ánh tập tính, mối quan hệ, sự phát triển, trưởng thành của động vật và thực vật; mô phỏng hoạt động lao động của người lớn. Ví dụ: Gieo hạt nảy mầm; cây cao cỏ thấp; ai bay, chạy, nhảy; mèo đuổi chuột; mèo và chim sẻ; chim sẻ và ô tô; trời nắng trời mưa; kéo cưa lừa xẻ; cô nói công việc trẻ mô tả động tác... Trong những trò chơi này trẻ sử dụng vận động của cơ thể, của tay, chân nhằm hướng tới việc củng cố các dấu hiệu đặc trưng của động, thực vật như hình thái, vận động, tiếng kêu, mối quan hệ của động, thực vật với nhau và với môi trường sống, các hoạt động lao động của người lớn. Trò chơi vận động có thể sử dụng ở trong các tiết học hoặc trong giờ hoạt động ngoài trời hằng ngày.

3.2.1.3. Trò chơi sáng tạo

Trò chơi sáng tạo bao gồm những trò chơi phản ánh lao động và sinh hoạt của người lớn hay còn gọi là trò chơi đóng vai theo chủ đề như: mẹ con, bác sĩ, bán hàng, gia đình, thợ may, nấu ăn và

trò chơi xây dựng, lắp ghép (xây dựng lăng Bác Hồ, doanh trại quân đội, trường mầm non, trường tiểu học). Thông qua những trò chơi sáng tạo này trẻ được củng cố, bổ sung kiến thức về các công việc của người lớn, dụng cụ, sản phẩm, mối quan hệ của các công việc, nghề nghiệp với nhau và ý nghĩa xã hội của chúng. Trẻ có dịp tiếp xúc với các nguyên, vật liệu khác nhau trong các trò chơi, điều đó giúp rèn luyện, phát triển các giác quan, cung cấp kiến thức chính xác về các thuộc tính, chức năng và cách sử dụng các đồ vật, đồ chơi, nguyên liệu thiên nhiên xung quanh. Trẻ còn học được cách ứng xử có văn hoá trong khi chơi, đồng thời trẻ được rèn luyện các kỹ năng xã hội, thói quen vệ sinh gọn gàng, ngăn nắp v.v... Trò chơi sáng tạo cũng có thể sử dụng trên tiết học và chủ yếu chúng được sử dụng trong hoạt động góc.

Trên đây là những loại trò chơi được sử dụng như một phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh. Ngoài phương pháp trò chơi thì các biện pháp, thủ thuật chơi cũng được sử dụng rất rộng rãi trong các hình thức cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh như: trốn cô; trời tối trời sáng; đi tham quan Hà Nội; tìm giúp đồ dùng cho bạn búp bê; bé là nội trợ giỏi. Các biện pháp và thủ thuật chơi nếu biết sử dụng có thể khơi gợi sự ngạc nhiên, thích thú cần thiết cho sự khởi đầu các hoạt động nhận thức hoặc giảm tải sự mệt mỏi, giúp thay đổi trạng thái của trẻ trong một giờ học.

3.2.2. Mô hình hoá

a) Khái niệm: Mô hình hoá là việc cho trẻ tái tạo lại những đặc điểm, thuộc tính đặc trưng khó nhận thấy hoặc các mối liên hệ của sự vật, hiện tượng dưới dạng các sơ đồ, mô hình trực quan dễ hiểu nhằm phát triển tư duy cho trẻ. Ví dụ: lịch thời tiết, sơ đồ sự phát triển của cây, quả địa cầu v.v...

Trong quá trình cho trẻ làm quen với các sự vật, hiện tượng xung quanh, những đặc điểm, thuộc tính đơn giản, rõ nét trẻ có thể nhận biết thông qua quan sát trực tiếp, nhưng những đặc điểm, dấu hiệu ẩn, khó nhận biết, những thay đổi nhỏ xảy ra theo thời gian, những mối liên hệ và quan hệ khó nhận thấy bằng tri giác thông thường tạo ra những khó khăn khách quan đối với trẻ vì hoạt động tư duy của trẻ còn đang hình thành, vì vậy mô hình hoá các sự vật, hiện tượng xung quanh là một hoạt động cần thiết.

Trong cơ sở của mô hình hoá có nguyên tắc thay thế. Ví dụ: vật thật được thay thế bằng một vật khác hoặc bằng hình vẽ hay các dấu hiệu (biểu tượng).

b) Các loại mô hình: Mô hình gồm hai loại cơ bản: vật thể (Ví dụ: quả địa cầu) và sơ đồ (Ví dụ: bản đồ hoặc lịch thời tiết, lịch theo dõi sự thay đổi của thiên nhiên hoặc sự phát triển của động, thực vật). Đặc trưng cơ bản của mô hình là phải phản ánh, chứa đựng trong mình những đặc điểm cơ bản của hình thức nguyên mẫu để nhận biết nhất.

Một trong những thể loại mô hình phổ biến nhất trong làm quen với môi trường xung quanh là sơ đồ về sự phát triển của động, thực vật; lịch thời tiết.

c) Hướng dẫn trẻ xây dựng lịch thời tiết

- Chuẩn bị nguyên, vật liệu: Bìa cứng và giấy khổ rộng, bút chì các màu.

- Cô cùng trẻ thoải mái chọn ký hiệu biểu trưng. Ví dụ: ký hiệu các ngày trong tuần có thể dùng màu sắc khác nhau như: thứ 2 - màu tím, thứ 3 - màu xanh lam, thứ 4 - màu xanh da trời, thứ 5 - màu xanh lá cây, thứ 6 - màu vàng, thứ 7 - màu da cam, chủ nhật - màu đỏ. Ký hiệu mặt trời, mưa, gió v.v... Nhiệt độ cao hay thấp có thể biểu trưng bằng màu sắc: nóng - đỏ, ấm áp - vàng, mát mẻ - xanh.

- Sau mỗi lần quan sát các hiện tượng cô và trẻ cùng tiến hành đưa các ký hiệu vào lịch. Đối với trẻ mẫu giáo bé cô có thể vẽ sẵn các khuôn mẫu để trẻ tô màu bằng bút chì hoặc có thể tô thêm vào phong cảnh bằng màu bút dạ hoặc màu nước. Trẻ mẫu giáo lớn có thể tự dùng các ký hiệu để điền vào lịch cho phù hợp với các sự kiện đã quan sát được. Cô dùng một tờ bìa to có các ô chỉ các ngày trong tuần và trong tháng treo lên tường. Hằng ngày cô nhắc trẻ chọn biểu tượng tượng trưng cho ngày nắng, ngày mưa, gió vào các ngày tương ứng.

Ví dụ: Lịch thời tiết nửa tháng 2

	<i>Thứ 2</i>	<i>Thứ 3</i>	<i>Thứ 4</i>	<i>Thứ 5</i>	<i>Thứ 6</i>	<i>Thứ 7</i>	<i>Chủ nhật</i>
Tháng 2	1 	2 	3 	4 	5 	6 	7 
	8 	9 	10 	11 	12 	13 	14 

Hết nửa tháng, cho trẻ cắt rời từng ngày ra, xếp các ngày có thời tiết giống nhau vào một nhóm và tạo thành biểu đồ cột. Ví dụ:

Ngày nắng	Ngày nhiều mây	Ngày có mưa
	        	   

Cuối cùng cô và trẻ thảo luận, so sánh số lượng các ngày nắng, mưa để cuối cùng đi tới kết luận chung về thời tiết của nửa tháng 2.

Mô hình hoá có thể sử dụng rộng rãi trong sinh hoạt hằng ngày nhằm giúp trẻ nhận biết sự thay đổi của các sự vật, hiện tượng xung quanh.

3.2.3. Thí nghiệm

a) Khái niệm: Thí nghiệm là sự tổ chức hoạt động tạo ra tình huống mà trẻ cần quan sát để đi tới kết luận nhất định.

Đối với trẻ mẫu giáo có thể tổ chức các thí nghiệm đơn giản với các đối tượng của giới hữu sinh, vô sinh và các đồ vật gần gũi xung quanh.

b) Mục đích

Tạo điều kiện cho trẻ nhận biết chính xác các thuộc tính, đặc điểm, quá trình sinh trưởng của các đối tượng và các mối quan hệ, liên hệ giữa chúng.

Phát triển óc quan sát, năng lực tư duy và tính ham hiểu biết của trẻ.

c) Các loại thí nghiệm

- Thí nghiệm với thực vật: Trong quá trình cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh có thể tổ chức các thí nghiệm đơn giản với thực vật như: Hạt này có nảy mầm thành cây được không? Hạt nào nảy mầm được, hạt nào không nảy mầm được? Hoa có hút nước không? Vì sao hoa héo? Vì sao hoa tươi? Cành cây có nảy mầm không? Cây có cần nước, ánh sáng, không khí hay không?

- Thí nghiệm với động vật: Có thể tổ chức các thí nghiệm đơn giản như: Con này thích ăn gì nhất? Con này phản ứng với âm thanh, ánh sáng như thế nào? Con này dùng gì để bay, bơi, chạy? Con này sinh ra và lớn lên như thế nào?

- Thí nghiệm với các nguyên, vật liệu của thiên nhiên vô sinh và những đồ vật gần gũi ở xung quanh: Thí nghiệm với nước (nước trong suốt, nước không có mùi, nước không có màu, nước có thể hoà tan các chất, nước bốc hơi, nước đóng băng...), với không khí (không khí có ở khắp nơi, không khí có trọng lượng), với gió, với ánh sáng, với các vật chất khác có ở xung quanh.

- Thí nghiệm với đồ vật: Vật nào chìm? Vật nào nổi? Vật nào trong suốt? Giấy và vải có gì khác nhau? ...

d) Cách hướng dẫn

Những thí nghiệm nêu trên có thể tổ chức rộng rãi ở trong các tiết học, sinh hoạt hằng ngày và trong hoạt động ngoài trời. Để tạo ra hứng thú và nhu cầu nhận thức ở trẻ, trước khi tổ chức thí nghiệm, giáo viên cần nêu ra tình huống có vấn đề, từ đó kích thích trẻ đưa ra các phán đoán (giả thuyết) của mình. Giáo viên cũng nên khuyến khích trẻ cùng với cô tạo ra tình huống quan sát bằng cách chuẩn bị các phương tiện, đồ dùng để làm thí nghiệm. Sau khi đã tạo ra tình huống cô hướng dẫn trẻ quan sát. Với những thí nghiệm, thực nghiệm đơn giản, ngắn hạn cô gợi cho trẻ tập trung chú ý, quan sát, phát hiện và thảo luận đi tới kết luận ngay. Với những thí nghiệm, thực nghiệm phức tạp, phải tiến hành trong thời gian dài cô nên chọn các thời điểm thích hợp để cho trẻ quan sát. Trong quá trình quan sát có thể kết hợp với phương pháp mô hình hoá để trẻ ghi nhận những sự

thay đổi, phát triển hoặc các mối liên hệ của đối tượng. Cô và trẻ cùng xây dựng sơ đồ, sau mỗi lần quan sát trẻ sẽ dùng ký hiệu (biểu tượng) để điền vào sơ đồ. Khi thí nghiệm, thực nghiệm đã có kết quả rõ nét cô kết thúc quá trình quan sát để đi tới kết luận. Những thí nghiệm, thực nghiệm dài hạn như vậy nên tổ chức ở lứa tuổi mẫu giáo nhỏ và mẫu giáo lớn.

3.2.4. Vẽ, nặn, xé dán

Vẽ, nặn, xé dán là những nội dung cơ bản trong hoạt động tạo hình của trẻ. Trong quá trình cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh có thể sử dụng các hoạt động nêu trên nhằm củng cố biểu tượng, phát triển trí tưởng tượng, khả năng sáng tạo và óc thẩm mỹ. Ví dụ: sau khi quan sát quả dưa cô có thể cho trẻ vẽ hoặc nặn hoặc xé dán quả dưa. Vẽ, nặn, xé dán có thể sử dụng trong các tiết học làm quen với môi trường xung quanh, trong sinh hoạt hằng ngày, hoạt động góc và hoạt động ngoài trời. Trẻ có thể dùng các dụng cụ khác nhau để thể hiện tác phẩm của mình như: sử dụng phấn, bút chì, bút màu, bút dạ. Giáo viên có thể hướng dẫn và thu hút trẻ tham gia làm các sản phẩm từ các nguyên, vật liệu thiên nhiên như lá, hoa, quả, hạt, vỏ cây, ví dụ: làm bức tranh về bầu trời từ các loại lá khô.

3.2.5. Sưu tập tranh, ảnh và làm tiêu bản

Phương pháp này nhằm bổ sung các đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho việc tích lũy, củng cố và mở rộng hiểu biết cho trẻ, đồng thời rèn luyện cho giáo viên, trẻ em và phụ huynh kỹ năng thu thập, tận dụng tranh ảnh và các đồ dùng, coi đó như các phương tiện cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh. Thông qua việc sưu tập đồ dùng phát triển hứng thú học tập cho trẻ.

Trong quá trình cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh có thể sưu tập các đồ dùng như sau:

- Đồ dùng tự tạo gồm tranh, ảnh, mô hình, hình vẽ, sơ đồ, biểu bảng; đồ chơi. Cần tận dụng các đồ dùng này từ nhiều nguồn khác nhau như từ báo, sách giáo khoa của các cấp học, tạp chí, lịch; do cô và trẻ tự làm; do phụ huynh sưu tầm. Tranh, ảnh cần có nhiều kích cỡ khác nhau. Những tranh, ảnh, bảng biểu kích thước lớn có thể trưng bày trên mảng tường hoặc sử dụng cho trẻ xem trong các giờ học. Tranh, ảnh, bảng biểu kích thước nhỏ có thể đưa vào album ảnh theo các nội dung cụ thể để cho trẻ xem ở các góc học tập và góc thư viện. Tranh, ảnh, mô hình, bảng biểu cần được làm bằng nhiều chất liệu khác nhau, phong phú về thể loại, đẹp về hình thức và giống với thực tế.

- Các nguyên, vật liệu thiên nhiên: Các loại lá, rễ cây, vỏ cây, hoa, quả, hạt thật; các loại côn trùng; lông của chim, thú có thể sưu tập và làm thành các tiêu bản để cho trẻ được tiếp xúc và khám phá. Để cho những đồ dùng này được bền lâu và đảm bảo an toàn, vệ sinh cho trẻ, khi sưu tập và làm thành đồ dùng cần chú ý:

- + Lau, rửa sạch bằng nước thường hoặc hoá chất.
- + Phơi hoặc là khô.
- + Khâu đính hoặc dán hồ dán vào những tấm bìa. Đối với côn trùng có thể ép plastic.

Tranh, ảnh và tiêu bản cần được phân loại theo nội dung để tiện sử dụng. Khi tiến hành đến chủ đề nào giáo viên sử dụng tranh, ảnh và tiêu bản đã sưu tập được theo chủ đề đó, đồng thời huy động phụ huynh cùng sưu tập thêm; khuyến khích trẻ tìm từ báo cũ, lịch cũ và tạp chí những tranh,